

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

23

CHIẾN THẮNG GIẶC NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ HAI



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN HUY KHÔI



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 23: CHIẾN THẮNG GIẶC NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ HAI

Tái bản lần thứ tư

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Quang Vinh

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Chiến thắng quân Nguyên Mông lần thứ hai / Trần Bạch Đằng ; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Huy. - Tái bản lần thứ 4. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

112tr. ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.23).

I. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Trần, 1225-1400 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng.

II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam — History — Trần dynasty, 1225-1400 — Pictorial works.

959.7024 — dc 22
C533

LỜI GIỚI THIỆU

Thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt lần thứ nhất, Nguyên Mông lại nuôi dã tâm bành trướng, thôn tóm Đại Việt. Bấy giờ, từ một dân tộc thiểu số, Nguyên Mông đã tiêu diệt nhà Tống, vươn lên thành một đế quốc hùng mạnh, trải rộng từ Á sang Âu.

Nhận biết được dã tâm ấy, nhà Trần đã lợi dụng lúc hòa hoãn, Trần Thủ Độ và Trần Hưng Đạo đã gắng công điều luyện binh mã, có sự chủ động trong việc đối phó với kẻ thù. Với lòng yêu nước, đoàn kết quyết tâm của quân và dân nhà Trần, một lần nữa, Đại Việt đã đẩy lùi cuộc xâm lược của vó ngựa Nguyên Mông đã gây sóng gió trên toàn cầu lúc bấy giờ.

Những nội dung trên được truyền tải trong tập 23 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Chiến thắng giặc Nguyên Mông lần thứ hai” phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Huy Khôi thể hiện.

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 23 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông lần thứ hai của Đại Việt kéo dài trong khoảng bốn tháng, từ cuối tháng chạp năm Giáp Thân đến cuối tháng tư năm Ất Dậu (khoảng từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1285).

Dưới sự chỉ huy tài tình của vua quan nhà Trần bấy giờ cùng với tinh thần đoàn kết toàn dân, Đại Việt đã một lần nữa đánh tan kẻ thù xâm lược, giữ yên bờ cõi đất nước.

Sau thất bại năm 1258, nhà Nguyên luôn luôn sách nhiễu, chèn ép hòng để xâm chiếm Đại Việt. Chúa Nguyên là Hốt Tất Liệt liên tiếp cho đòi vua Trần Nhân Tông phải thân hành sang châu, đồng thời bắt cống nộp hết thứ này đến thứ khác. Trước những đòi hỏi ngang ngược ấy, vua tôi nhà Trần vừa tỏ ra kiên quyết nhưng cũng cố nhẫn nhịn để tránh nạn binh đao. Năm 1280, nhà Nguyên lại sai Sài Thung sang Đại Việt để kiểm soát gây hấn.





Sài Thung là một tên kiêu căng. Vào đến Thăng Long, hắn hợm mình là người của nhà Nguyên, nghênh ngang cưỡi ngựa đi thẳng vào tận cung điện. Quân sĩ cản lại, bị hắn lấy roi ngựa đánh chảy máu đầu. Hắn được đưa đến ở tại điện Tập Hiền. Vào chỗ nghỉ, hắn nằm lì không chịu tiếp ai. Ngay cả tướng nhà Trần là Trần Quang Khải, chú ruột vua Nhân Tông, thay mặt nhà vua đến tiếp kiến, hắn cũng không thèm ngồi dậy.

Trần Hưng Đạo muốn dò biết ý đồ của Sài Thung, bèn cắt tóc, mặc áo vải, giả dạng một nhà sư đến thăm. Thấy nhà sư, Sài Thung sai pha trà mời uống và tiếp chuyện. Nhưng khi nhận ra Trần Hưng Đạo, hắn đã ngầm lệnh cho thuộc hạ vờ lỡ tay, chọc mũi tên vào đầu ông đến chảy máu. Vậy mà Trần Hưng Đạo vẫn không đổi sắc mặt. Sài Thung có ý khâm phục, nên khi ông ra về, hắn đứng dậy tiễn.





Sau một thời gian hống hách tại Thăng Long, hạch sách đe dọa đủ điều, Sài Thung quay về nước. Hiểu rõ dã tâm của nhà Nguyên và để quan hệ đỡ căng thẳng, vua Trần Nhân Tông cử chú họ là Trần Di Ái dẫn đầu đoàn sứ bộ sang châu thay mình. Vào đến đất Nguyên, Trần Di Ái bị Hốt Tất Liệt chiêu dụ, chấp nhận làm tay sai nên được phong là An Nam Quốc vương tức là vua nước Đại Việt. Hắn theo viên tướng của nhà Nguyên là Sài Thung dẫn 1.000 quân về nước với ý đồ lên làm vua thay Trần Nhân Tông.

Đoàn của Trần Di Ái và Sài Thung đến gần biên giới thì vua Trần Nhân Tông đã biết tin. Nhà vua cho quân đón sẵn ở ải Nam Quan. Vừa thấy quân Trần, Di Ái sợ quá, định bỏ trốn nhưng không thoát. Hắn bị bắt, bị lột hết chức tước và sung xuống làm lính. Còn Sài Thung thì bị tên bắn chột một mắt, phải quay về. Ý đồ dựa vào Di Ái để cai trị Đại Việt của nhà Nguyên tan thành mây khói.





Đầu năm 1283, với âm mưu tạo hai gọng kìm để dễ bề xâm lấn Đại Việt, chúa Nguyên sai một đạo thủy quân do Toa Đô^{*} cầm đầu, vượt biển tấn công Chiêm Thành, hy vọng thôn tính nước này để làm bàn đạp đánh vào phía nam Đại Việt, phối hợp với đại quân của chúng kéo từ Trung Quốc xuống. Nhưng cuộc xâm lăng này gặp thất bại trước sự chiến đấu kiên cường của người Chiêm Thành. Tuy vậy, Toa Đô vẫn được lệnh đem quân đóng ở biển phía bắc của Chiêm Thành để chờ.

^{*} tên Mông Cổ là Sogetu.



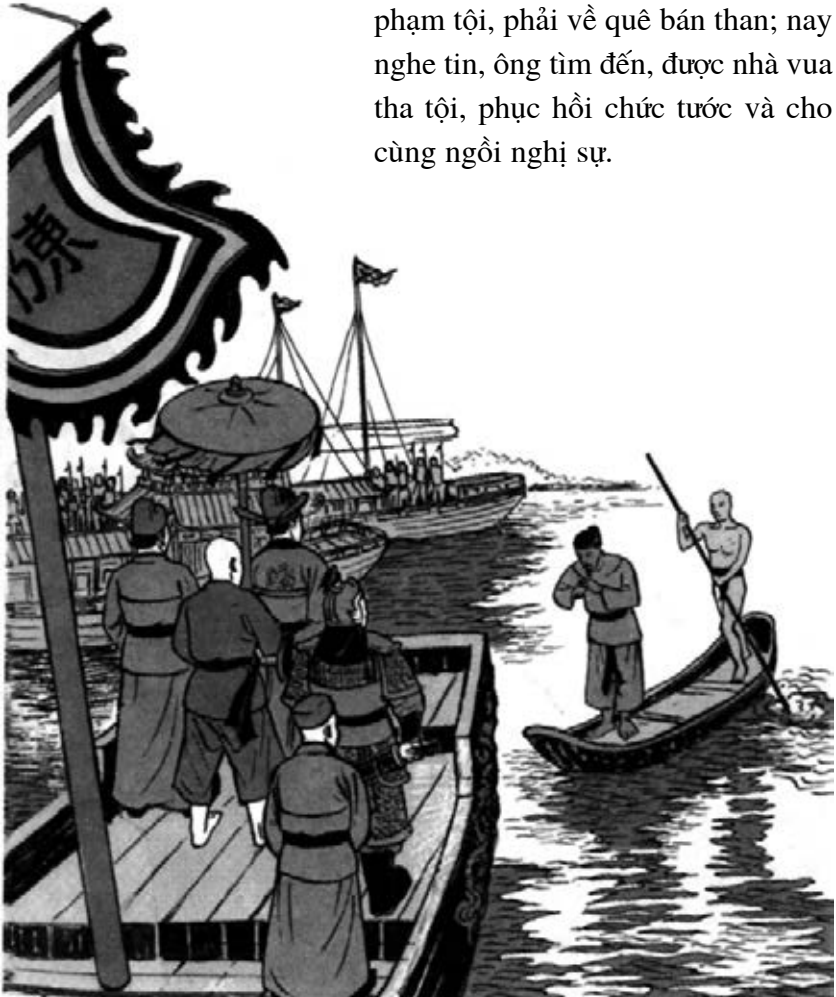
Năm sau, để chuẩn bị đánh Đại Việt, Hốt Tất Liệt phong cho con là Thái tử Thoát Hoan^(*) tước hiệu Trấn Nam vương, có nghĩa là Vua trấn giữ phương Nam. Lại cho những tên tướng dày kinh nghiệm trận mạc, đã từng đánh thắng nhà Tống như Lý Hằng, A Lý đi theo trợ giúp Thoát Hoan. Chúng cho thu gom một số lương thảo rất lớn và bắt dân Trung Quốc phải làm sai dịch vận chuyển theo đoàn quân. Nhiều người không chịu được, đã tìm cách bỏ trốn.

* tên Mông Cổ là Toghan.



Tin tức về việc chuẩn bị của quân Nguyên được quân thám mã liên tục cấp báo về triều. Vua tôi nhà Trần không hề bị bất ngờ. Ngay từ cuối năm Nhâm Ngọ (1282), để chuẩn bị cho Toa Đô đi đánh Chiêm Thành, chúa Nguyên đã sai người sang đòi Đại Việt phải cho mượn đường và giúp lương thực. Biết rõ âm mưu của chúng, vua Trần đã triệu tập các vương hầu, quan lại để nghị bàn kế sách chống giặc. Đó là hội nghị nổi tiếng ở Bình Than (ở Lục Đầu, Chí Linh, Hải Dương nơi gặp nhau của 6 con sông cùng đổ ra biển, cũng là nơi hội tụ của hai con đường thủy bộ chính từ Trung Quốc sang). Nhà vua chọn địa điểm này vì khi ấy sứ nhà Nguyên vẫn còn ở Thăng Long.

Đây là hội nghị rất quan trọng và cần thiết để Thượng hoàng cùng vua và các quan thảo luận và thống nhất quyết tâm kháng chiến bảo vệ đất nước. Hội nghị đang họp thì có ông Trần Khánh Dư (vốn là tướng nhưng phạm tội, phải về quê bán than; nay nghe tin, ông tìm đến, được nhà vua tha tội, phục hồi chức tước và cho cùng ngồi nghị sự.



Lúc này hội nghị đang sôi nổi bàn đến chiến lược đối với quân Nguyên. Một số kẻ cho rằng nên để quân Nguyên mượn đường đi đánh Chiêm Thành, số lại bàn nên cống nạp hậu hĩnh cho chúng để xin hoãn binh. Nhưng Trần Hưng Đạo cùng các tướng cương quyết xin đem quân đi trấn giữ các nơi hiểm yếu để sẵn sàng chống giặc. Trần Khánh Dư cũng tán đồng ý ấy nên nhà vua rất hài lòng, phong cho ông làm Phó Đô tướng quân, giữ trọng trách bảo vệ cửa khẩu Vân Đồn.

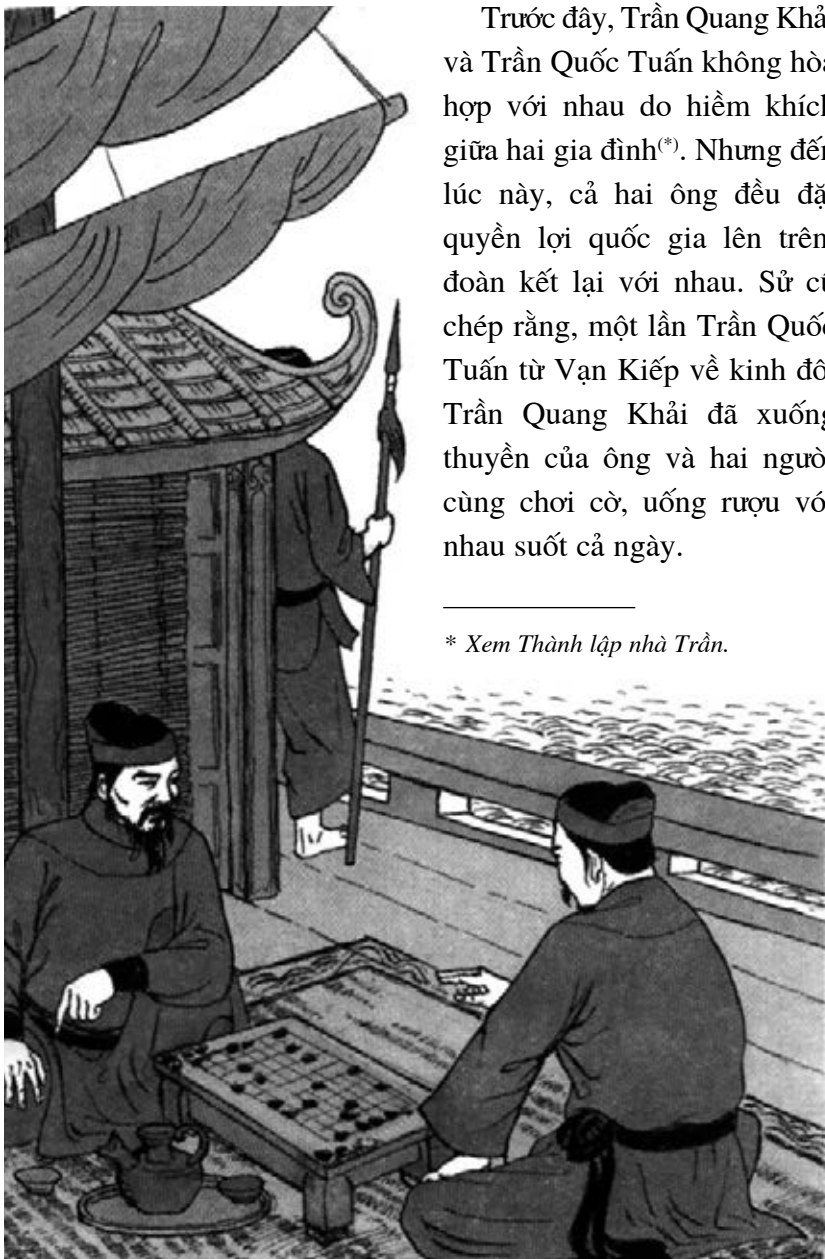




Trong hội nghị Bình Than, có một dũng tướng lại không được dự họp. Đó là Trần Quốc Toản, dù được theo tới Bình Than, nhưng vì mới 16 tuổi, nên phải đứng ngoài. Trần Quốc Toản lấy làm uất ức, tay đương cầm quả cam bóp bẹp ra lúc nào không hay. Khi tan hội, các vương hầu ra về sửa sửa binh thuyền để cự địch. Trần Quốc Toản cũng về tụ họp thân thuộc của mình, lập nên một đạo quân gồm hơn ngàn người với lá cờ đề sáu chữ “Phá cường địch, báo hoàng ân” (Phá giặc mạnh, báo ơn vua) để tham gia đánh giặc.

Sau đó, nhà vua phong cho Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn làm Quốc công Tiết chế, nhận trọng trách thống lĩnh toàn quân; Chiêu Minh vương Trần Quang Khải làm Thượng tướng Thái sư, cùng hợp lực với Trần Quốc Tuấn chỉ huy ba quân chống xâm lăng. Trần Quang Khải (1241-1294) là con thứ ba của vua Thái Tông, em cùng mẹ với Thượng hoàng Thánh Tông và là chú ruột của vua Nhân Tông. Ông là người thông minh, học rộng, văn võ toàn tài lại nổi tiếng là người thanh liêm, lâu nay vẫn được triều đình nể trọng.





Trước đây, Trần Quang Khải và Trần Quốc Tuấn không hòa hợp với nhau do hiềm khích giữa hai gia đình^(*). Nhưng đến lúc này, cả hai ông đều đặt quyền lợi quốc gia lên trên, đoàn kết lại với nhau. Sử cũ chép rằng, một lần Trần Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp về kinh đô, Trần Quang Khải đã xuống thuyền của ông và hai người cùng chơi cờ, uống rượu với nhau suốt cả ngày.

** Xem Thành lập nhà Trần.*

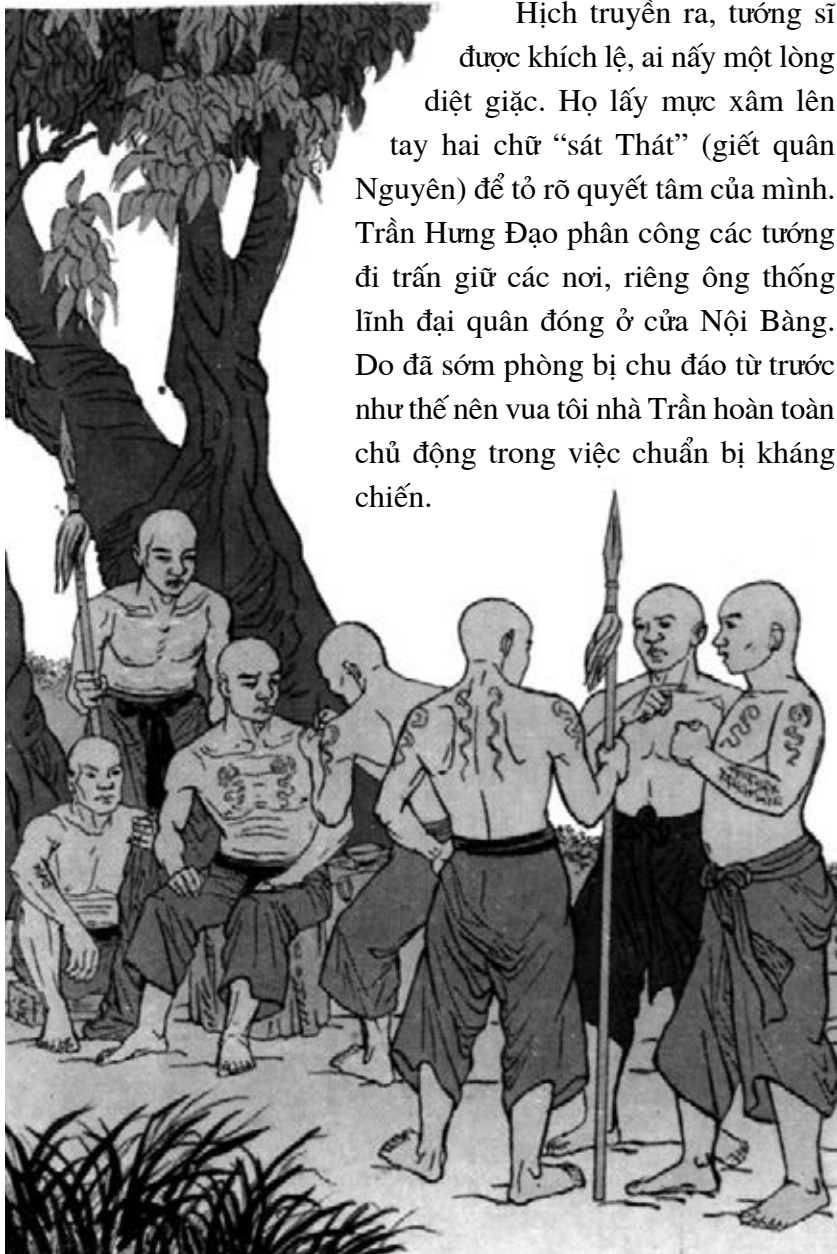
Biết trời lạnh, Quang Khải ngại tắm, Quốc Tuấn bèn sai nấu nước thơm và tự tay tắm gội cho Quang Khải. Ông đùa bảo: “-Hôm nay được tắm cho Thượng tướng”. Quang Khải cũng đùa lại: “- Hôm nay được ngài Quốc công tắm hầu”. Hai bên cư xử với nhau thân tình chứng tỏ trong lòng không còn niềm nghi kỵ nào. Điều đó khiến tướng sĩ thêm tin tưởng ở triều đình và càng đoàn kết một lòng.



Để khích lệ mọi người đứng lên chiến đấu vì đại nghĩa, Trần Hưng Đạo viết và truyền bài *Hịch tướng sĩ* nổi tiếng. Trong hịch có đoạn tha thiết: “... Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa được xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng...”

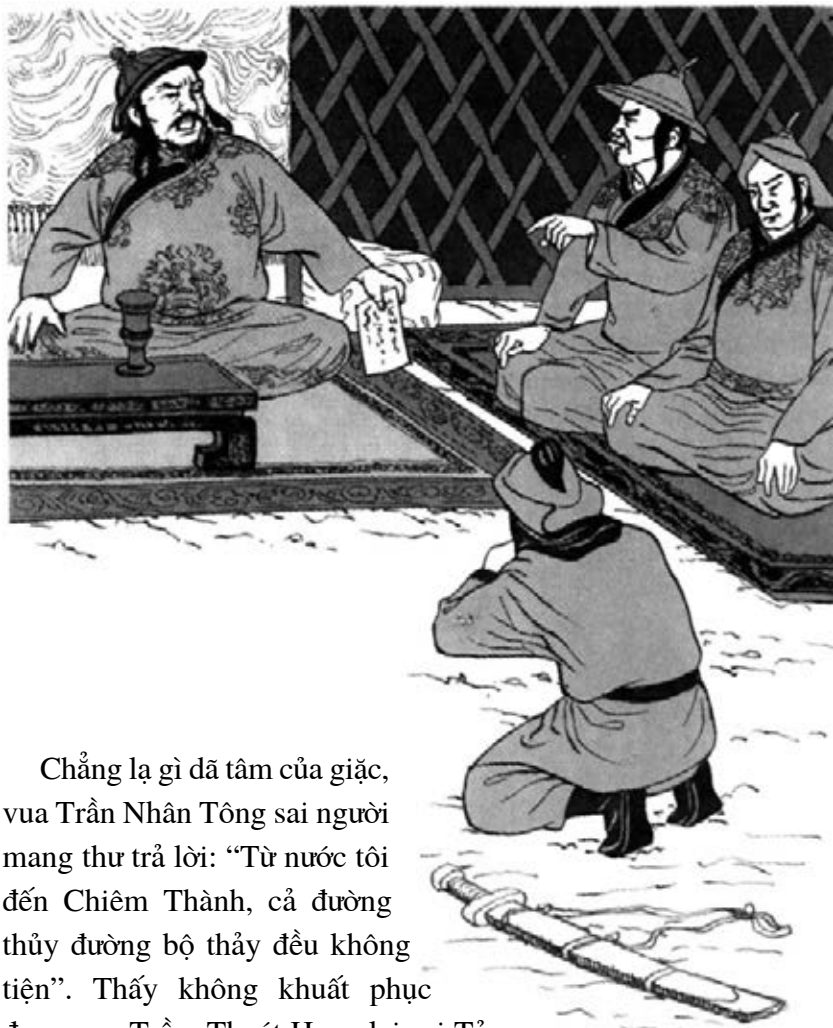


Hịch truyền ra, tướng sĩ được khích lệ, ai nấy một lòng diệt giặc. Họ lấy mực xăm lên tay hai chữ “sát Thát” (giết quân Nguyên) để tỏ rõ quyết tâm của mình. Trần Hưng Đạo phân công các tướng đi trấn giữ các nơi, riêng ông thống lĩnh đại quân đóng ở cửa Nội Bàng. Do đã sớm phòng bị chu đáo từ trước như thế nên vua tôi nhà Trần hoàn toàn chủ động trong việc chuẩn bị kháng chiến.



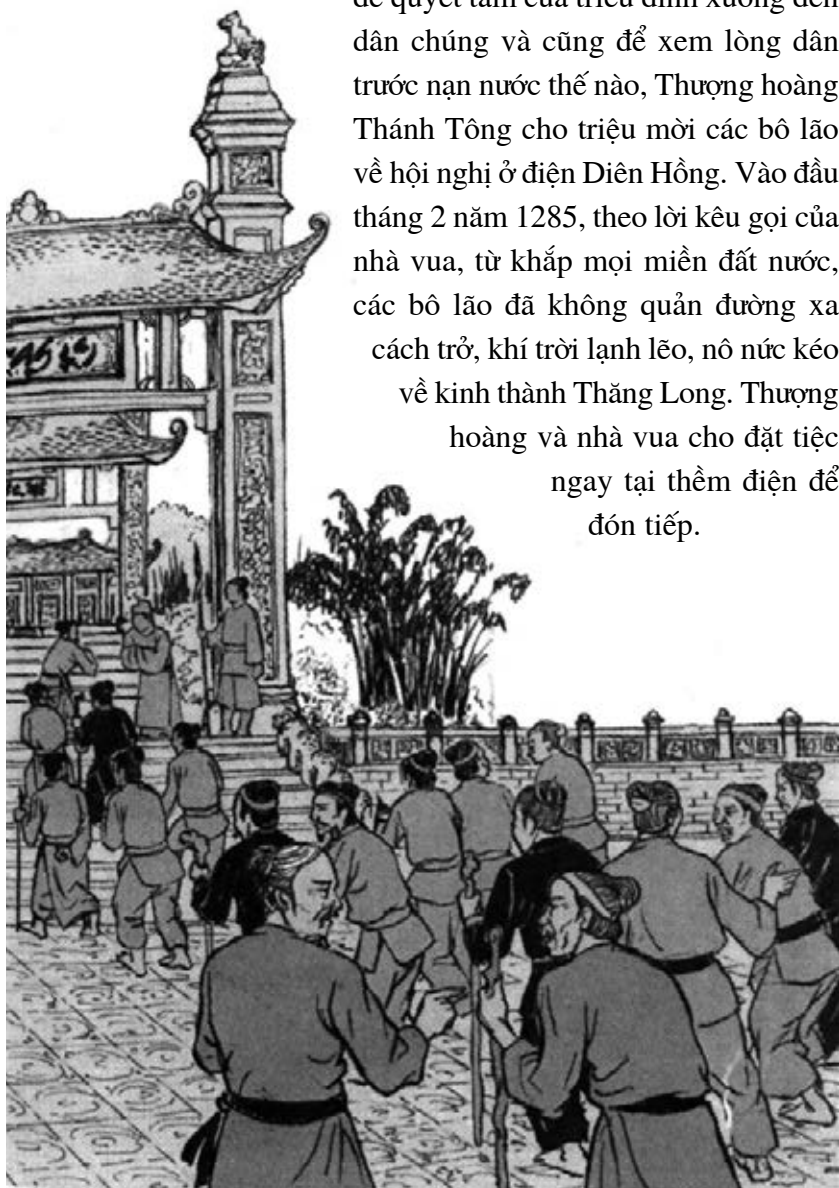
Lúc này, 50 vạn quân Nguyên chia làm hai cánh, một cánh theo đường Vân Nam đã áp sát biên giới phía tây Đại Việt. Còn đại quân Nguyên do Thoát Hoan thống lĩnh, rầm rập tiến đến gần biên giới Lạng Sơn. Thoát Hoan lại giở trò cũ, cho người đưa thư sang vua Trần nói rằng y không có ý đánh Đại Việt, chỉ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, hy vọng quân dân nhà Trần tưởng thật, không phòng bị để dễ dàng đánh chiếm.





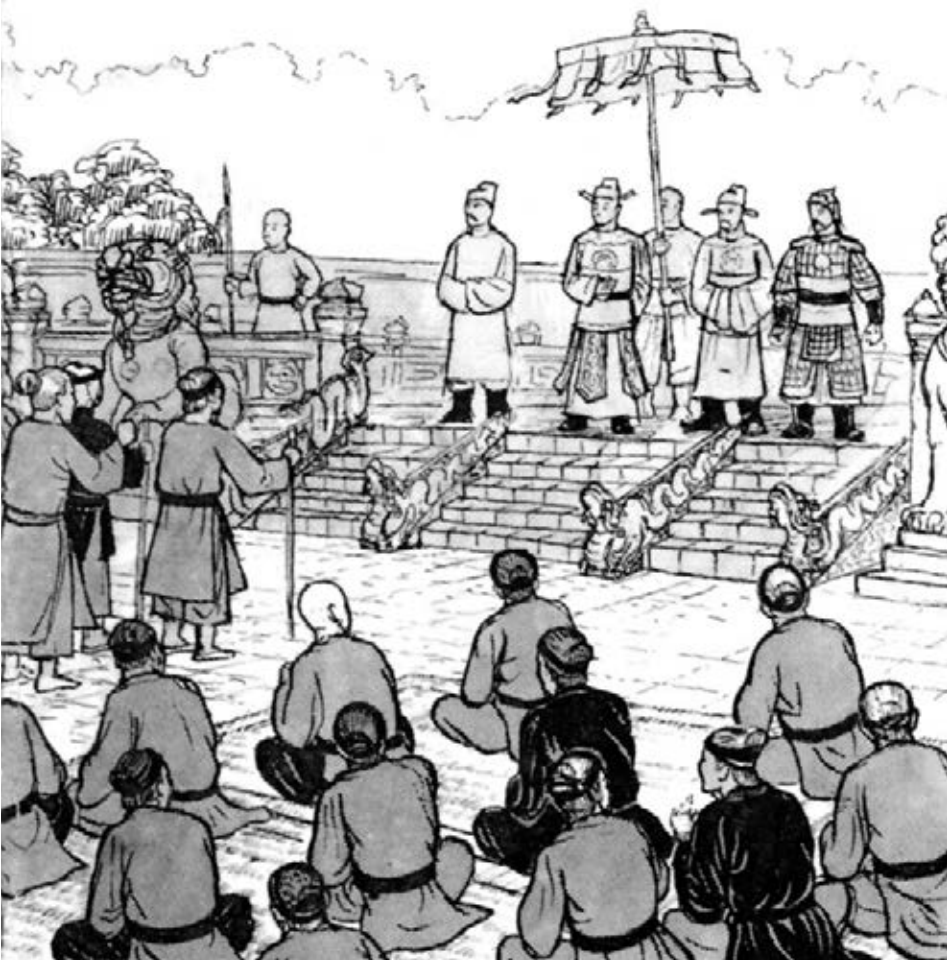
Chẳng lạ gì dã tâm của giặc, vua Trần Nhân Tông sai người mang thư trả lời: “Từ nước tôi đến Chiêm Thành, cả đường thủy đường bộ thấy đều không tiện”. Thấy không khuất phục được vua Trần, Thoát Hoan lại sai Tả Thừa tướng là A Lý sang đưa thư cho Trần Hưng Đạo hăm dọa sẽ phá tan bờ cõi Đại Việt nếu không cho y mượn đường. Trần Hưng Đạo không thèm trả lời, cũng không thèm giữ lễ, cho người đuổi thẳng A Lý.

Trước tình thế vô cùng khẩn cấp, để quyết tâm của triều đình xuống đến dân chúng và cũng để xem lòng dân trước nạn nước thế nào, Thượng hoàng Thánh Tông cho triệu mời các bô lão về hội nghị ở điện Diên Hồng. Vào đầu tháng 2 năm 1285, theo lời kêu gọi của nhà vua, từ khắp mọi miền đất nước, các bô lão đã không quản đường xa cách trở, khí trời lạnh lẽo, nô nức kéo về kinh thành Thăng Long. Thượng hoàng và nhà vua cho đặt tiệc ngay tại thềm điện để đón tiếp.





Đứng trước các vị trưởng lão râu tóc bạc phơ, Thượng hoàng hỏi: “Nên hòa hay nên chiến?”. Lập tức cả ngàn tiếng nói cùng hòa làm một trong khí thế bùng bùng, tất cả hô vang: “Quyết chiến, quyết chiến”. Lòng can đảm và ý chí quật cường của các bô lão làm nức lòng triều đình cùng dân chúng. Hội nghị Diên Hồng mãi mãi là tấm gương sáng về lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần đoàn kết chống kẻ thù xâm lược của nhân dân ta.



Sau đó, vua Trần cho yết bảng kêu gọi nhân dân hợp lực với triều đình: “Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh; nếu sức địch không nổi thì cho lẫn trốn vào rừng núi, không được đầu hàng”. Cả nước bừng bừng khí thế quyết tâm đánh giặc. Mọi người ai cũng đóng góp theo hoàn cảnh của mình. Nhà giàu có khá giả quyên góp tiền bạc, lương thực để nuôi quân; người bình dân thì góp công xay lúa giã gạo, rèn đúc khí giới.



Tháng chạp năm Giáp Thân (1284), đại quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy chia thành 6 mũi tấn công vào các ải biên giới và bao vây quân Trần chốt giữ tại đây. Những trận chiến ác liệt nổ ra. Trước lực lượng đông đảo của giặc, các cánh quân Trần đều phải lui dần về phía sau. Vì vậy, chẳng bao lâu, quân Nguyên đã chiếm được ải Chi Lăng và tràn vào Đại Việt.



Trước thế giặc đang mạnh, đoàn chiến thuyền của Trần Hưng Đạo ở Nội Bàng phải lui về giữ châu Lạng Giang (Bắc Giang). Biết giặc mới sang còn đang sung sức, nếu đương đầu với chúng lúc này sẽ bất lợi, ông có kế hoạch cho quân rút dần về Vạn Kiếp (vùng Vạn Yên, Chí Linh, Hải Dương). Đây là nơi đóng phủ đệ của ông và cũng là một trong những chốt phòng thủ quan trọng của nhà Trần.

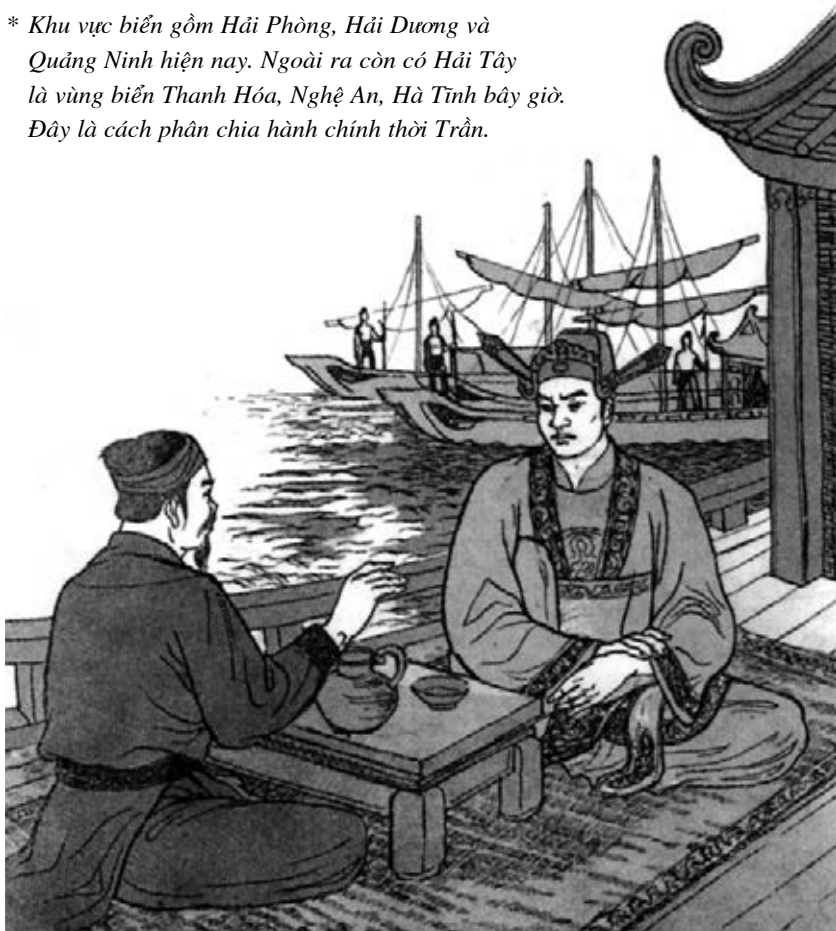


Vua Trần Nhân Tông lúc đó đang chỉ huy khoảng 1000 thuyền chiến ở Thăng Long, sẵn sàng chi viện. Nay nghe tin đại quân của Trần Hưng Đạo phải rút lui thì rất lo lắng. Ngài vội lấy một chiếc thuyền nhỏ đi gấp đến nỗi chiều rồi mà vẫn chưa kịp ăn sáng. Có người lính là Trần Lai kiếm được bát com hầm dâng lên. Vua không quở trách mà còn khen Trần Lai là tôi trung.



Đến Hải Đông^(*), nhà vua cho vời ngay Trần Hưng Đạo đến hỏi: “- Thế giặc to như vậy, hay là trăm đầu hàng để cứu muôn dân khỏi cảnh chiến tranh?”. Trần Hưng Đạo khẳng khái tâu: “- Xin bệ hạ chém đầu thần rồi hãy hàng”. Yên lòng trước sự quả cảm của người chú họ, cũng là vị tướng tài ba, vua tôi cùng nhau bàn bạc thể trận và việc chinh đồn quân lực.

** Khu vực biển gồm Hải Phòng, Hải Dương và Quảng Ninh hiện nay. Ngoài ra còn có Hải Tây là vùng biển Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ. Đây là cách phân chia hành chính thời Trần.*

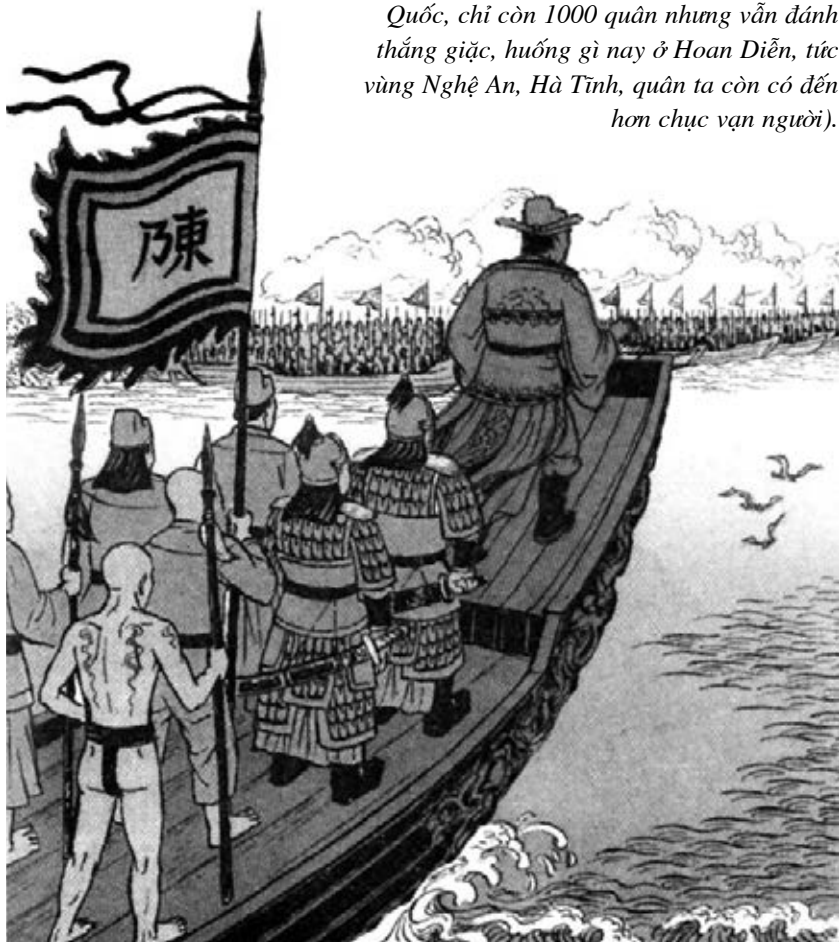


Bấy giờ quân các cánh kéo về Vạn Kiếp hội tụ, lập trại san sát, có đến hơn 20 ngàn người. Ngoài ra còn có hơn 100 thuyền chiến đóng cách đấy không xa. Nhà vua đi duyệt binh, thấy sức mạnh của quân đội, lòng cảm động thốt lên:

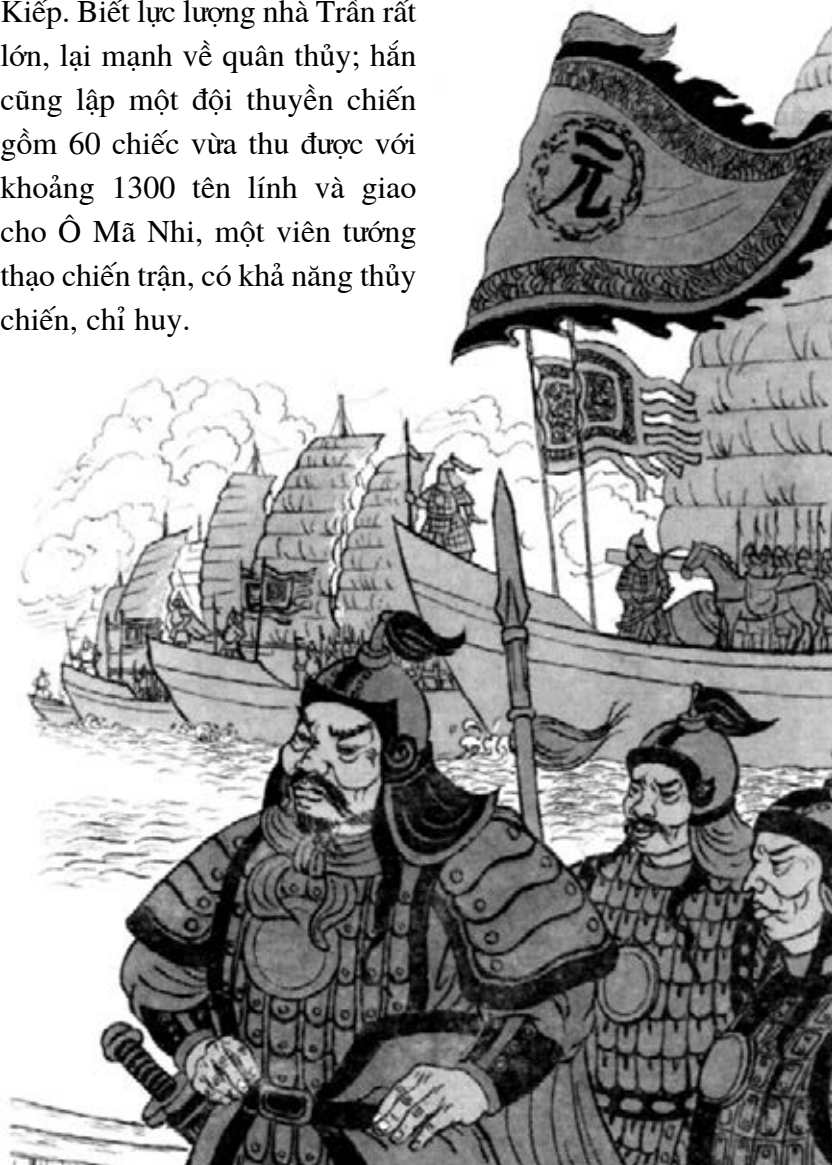
Cối Kê việc cũ người nên nhớ,

Hoan Diễn kia còn chục vạn quân.

(Ý nói Câu Tiễn thời Chiến quốc ở Trung Quốc, chỉ còn 1000 quân nhưng vẫn đánh thắng giặc, huống gì nay ở Hoan Diễn, tức vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, quân ta còn có đến hơn chục vạn người).



Trong khi ấy Thoát Hoan cũng đang tiến quân đến gần Vạn Kiếp. Biết lực lượng nhà Trần rất lớn, lại mạnh về quân thủy; hắn cũng lập một đội thuyền chiến gồm 60 chiếc vừa thu được với khoảng 1300 tên lính và giao cho Ô Mã Nhi, một viên tướng thạo chiến trận, có khả năng thủy chiến, chỉ huy.



Tháng giêng năm Ất Dậu (1285), lực lượng thủy bộ giặc tấn công vào Vạn Kiếp. Quân Trần chống cự mãnh liệt suốt 3 ngày, chém chết một tên tướng Nguyên. Thấy các chốt trên bộ khó chống đỡ được lâu, Trần Hưng Đạo cho quân rút xuống thuyền, xuôi theo sông Hồng. Vua Nhân Tông cũng đem binh thuyền đến cửa sông Đuống trợ chiến. Sau, để bảo toàn lực lượng, nhà vua cùng Trần Hưng Đạo lui về lập phòng tuyến ở bờ nam sông Hồng, bảo vệ kinh thành Thăng Long.



Chiếm được Vạn Kiếp, quân Nguyên tiếp tục tiến về Thăng Long. Dọc đường, chúng cho quân tàn phá làng mạc, cướp bóc lương thực, của cải. Bắt được ai thích chữ *sát Thát* trên tay, chúng đều giết chết. Đến ngang sông Đuống, biết quân Trần đã lập một phòng tuyến vững chắc với rào gỗ và thuyền chiến san sát ở bờ nam sông Hồng, Thoát Hoan cho quân dừng lại lập trại để dò xét động tĩnh.



Tháng giêng năm Ất Dậu (1285), vua Trần Nhân Tông muốn cử một người nhanh nhẹn sang trại giặc để thám thính binh tình. Trong lúc phân vân chưa biết chọn ai thì quan văn Đỗ Khắc Chung (sau được đổi danh tánh là Trần Khắc Chung), bước ra tâu:

- Thần tuy bất tài, nhưng cũng xin đi.

Nhà vua mừng rỡ nói:

- Không ngờ có người tài mà đến bây giờ mới lộ diện.





Cầm lá thư của nhà vua gửi tướng giặc giả xin giảng hòa, Đỗ Khắc Chung đường hoàng sang trại quân của chúng. Ô Mã Nhi^(*) xem thư xong, lên giọng hạch hỏi:

- Vua nước ngươi vô lễ, sai người thích hai chữ sát Thát, tỏ ý khinh thường quân thiên triều, còn hòa cái gì?

^{*} tên Mông Cổ là Omar

Khắc Chung vén tay áo cho Ô Mã Nhi xem và nói:

- Đây là do lòng công phần mà quân lính tự thích vào hai chữ ấy, chứ quốc vương không biết được. Nếu là lệnh bề trên, tôi là người hầu gần, sao lại không có?



Ô Mã Nhi lại vắn tiếp:

- Đại quân ở xa đến, sao vua nước người không tới yết kiến, lại còn dám kháng cự? Thật là bộ ngựa dám chống xe!

Khắc Chung đối đáp:

- Bức bách nhau quá, loài thú cũng phải cần hướng gì là người.





Cứ như thế, Khắc Chung tùy nghi mà ứng đối rất rạch ròi, câu nào ra câu ấy khiến cho tướng giặc không thể bắt bẻ vào đâu được. Sau đó, ông đường hoàng cáo từ và quay trở về. Khi ông đi rồi, Ô Mã Nhi nói với các thuộc tướng dưới trướng: “- Chúng nó đương bị uy hiếp mà lời lẽ vẫn tự nhiên, không hạ chủ mình xuống, mà cũng không nịnh ta. Nước này có những người như thế, chưa dễ đã chiếm được”.

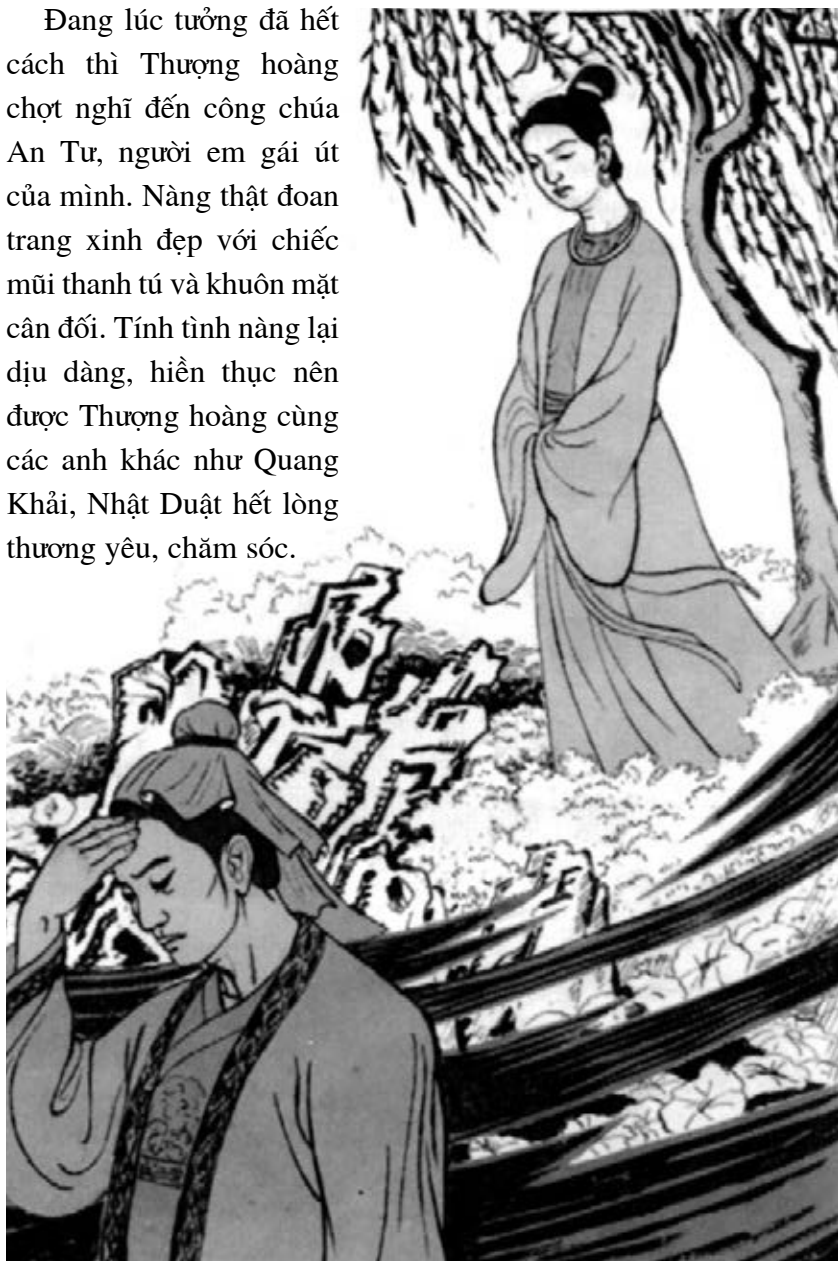
Suy nghĩ lại, đoán được mục đích chuyến viếng thăm của Khắc Chung, Ô Mã Nhi hối hận đã để cho ông ra về nên vội vàng cho người đuổi theo, nhưng không kịp. Khắc Chung đã vào được quân Đại Việt. Vì thế hai bên giao tranh một trận bất phân thắng bại. Nghe Đỗ Khắc Chung tâu lại, Thượng hoàng cùng nhà vua biết quân giặc còn khá mạnh nên quyết định rút quân khỏi Thăng Long.



Để có thời gian rút lui, nhà vua lại sai hai đại quan là Trần Thang và Nguyễn Huệ tiếp tục đến trại Thoát Hoan xin cầu hòa. Nhưng lần này, chẳng cần hạch hỏi lời thôi, hấn sai bắt giam cả hai và đòi vua Trần Nhân Tông phải thân hành đến để bàn định, nếu không hấn sẽ lập tức tấn công vào thành. Vua tôi nhà Trần đều vô cùng lo lắng vì nếu không cầm chân được giặc thì triều đình khó lòng rút được an toàn mà quân đội cũng không tránh khỏi tổn thất.



Đang lúc tưởng đã hết cách thì Thượng hoàng chợt nghĩ đến công chúa An Tư, người em gái út của mình. Nàng thật đoan trang xinh đẹp với chiếc mũi thanh tú và khuôn mặt cân đối. Tính tình nàng lại dịu dàng, hiền thực nên được Thượng hoàng cùng các anh khác như Quang Khải, Nhật Duật hết lòng thương yêu, chăm sóc.





Trước nạn nước cấp bách, để quân giặc tin vào chuyện giả hòa, Thượng hoàng buộc lòng phải nhờ đến An Tư. Nàng gạt nước mắt, theo đoàn tùy tùng vào chốn ba quân xa lạ. Nàng công chúa lá ngọc cành vàng ấy sống thế nào bên cạnh tên tướng xâm lược tàn bạo? Sử sách chẳng cho biết, chỉ biết rằng người con gái út của vua Thái Tông đã vì nước quên thân, đóng góp phần riêng của mình trong trang sử vẻ vang chống ngoại xâm thời Trần.



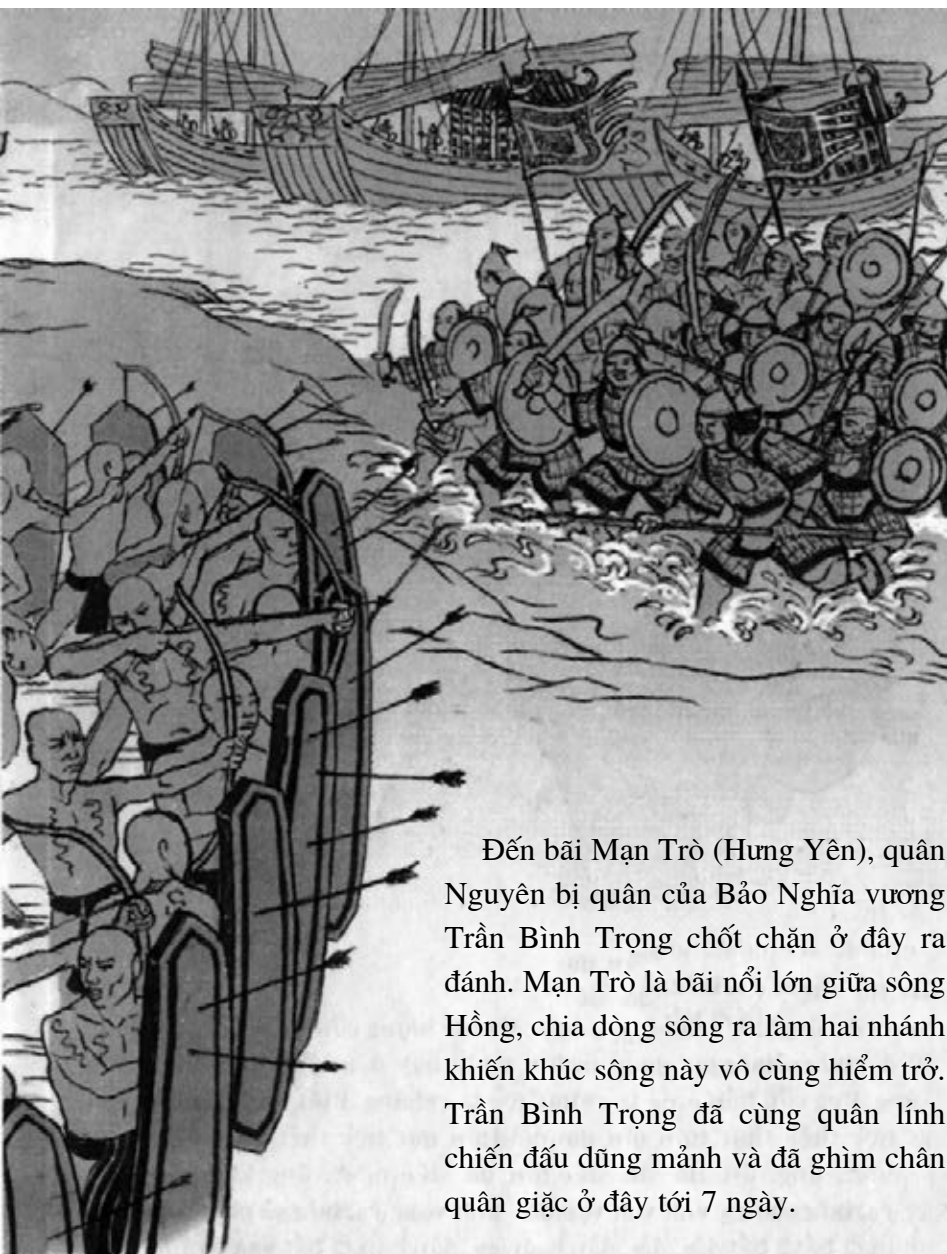


Trong khi An Tư được đưa đến trại Thoát Hoan thì quân Trần nhanh chóng triển khai việc rút lui. Hưng Đạo vương hộ tống nhà vua cùng triều đình lên thuyền, xuôi sông Hồng về đất phát tích nhà Trần ở Thiên Trường (Nam Định).

Hôm sau, Thoát Hoan biết tin quân Trần rút liền đóng bè, làm cầu phao, tiến quân vào thành. Nhưng kinh thành Thăng Long đâu đâu cũng chỉ là cảnh “vườn không nhà trống”. Y tức tối ra lệnh đốt phá và giết bất kỳ ai bắt được. Sau đó, Thoát Hoan lại cho quân tức tốc đuổi theo vua Trần cả trên đường thủy lẫn đường bộ.







Đến bãi Mạn Trò (Hung Yên), quân Nguyên bị quân của Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng chốt chặn ở đây ra đánh. Mạn Trò là bãi nổi lớn giữa sông Hồng, chia dòng sông ra làm hai nhánh khiến khúc sông này vô cùng hiểm trở. Trần Bình Trọng đã cùng quân lính chiến đấu dũng mãnh và đã ghìm chân quân giặc ở đây tới 7 ngày.



Nhưng quân Trần chỉ có một ít lực lượng còn quân giặc thì đông tràn lên bao vây và tấn công hết lớp này đến lớp khác. Cuối cùng Trần Bình Trọng không may sa vào tay chúng. Biết ông là tướng giỏi, Thoát Hoan rất muốn chiêu dụ. Hắn đặt tiệc thết đãi, nhưng ông không ăn. Hắn lại mon men hỏi dò việc nước, ông không trả lời. Thoát Hoan liền đem miếng mồi danh vọng ra, hứa sẽ phong cho ông làm vua ở đất bắc nếu ông chịu hàng, dẫn hắn đi bắt vua Trần.

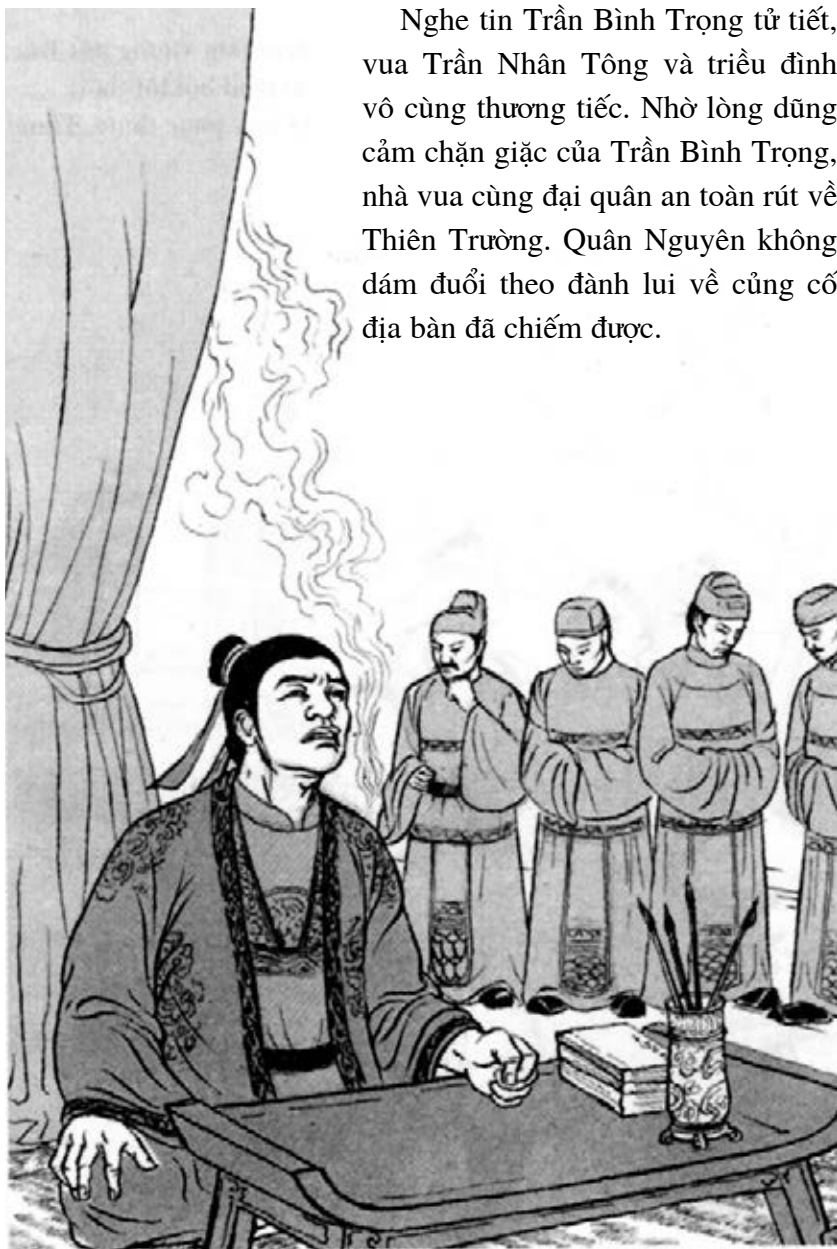
Tức thì Trần Bình Trọng quát lên:

- Ta thà làm quỷ nước nam chứ không thèm làm vương đất bắc.
Ta đã bị bắt thì chỉ có một chết mà thôi, việc gì phải hỏi lời thôi!

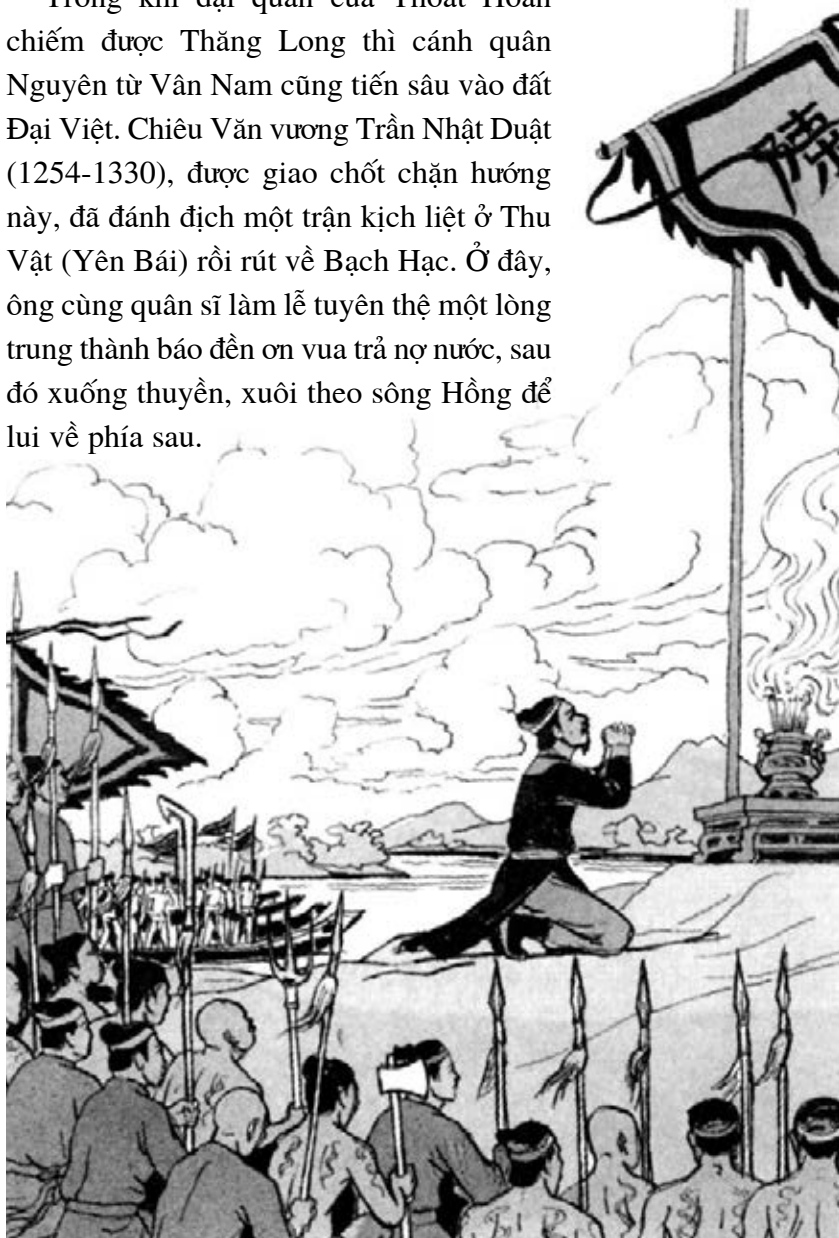
Thấy không làm cho người tướng Việt này quy phục được,
Thoát Hoan liền cho chém đầu ông.



Nghe tin Trần Bình Trọng tử tiết, vua Trần Nhân Tông và triều đình vô cùng thương tiếc. Nhờ lòng dũng cảm chặn giặc của Trần Bình Trọng, nhà vua cùng đại quân an toàn rút về Thiên Trường. Quân Nguyên không dám đuổi theo đành lui về củng cố địa bàn đã chiếm được.



Trong khi đại quân của Thoát Hoan chiếm được Thăng Long thì cánh quân Nguyên từ Vân Nam cũng tiến sâu vào đất Đại Việt. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật (1254-1330), được giao chốt chặn hướng này, đã đánh địch một trận kịch liệt ở Thu Vật (Yên Bái) rồi rút về Bạch Hạc. Ở đây, ông cùng quân sĩ làm lễ tuyên thệ một lòng trung thành báo đền ơn vua trả nợ nước, sau đó xuống thuyền, xuôi theo sông Hồng để lui về phía sau.





Trần Nhật Duật là em ruột Thượng hoàng, vốn là một viên tướng đầy mưu lược, lại giỏi nhiều thứ tiếng như Trung Hoa, Mông Cổ, Chiêm Thành và một số tiếng của các dân tộc thiểu số. Thấy quân Nguyên phi ngựa đuổi theo dọc hai bên bờ nhưng không truy kích kịch liệt, mà lại tỏ ra cầm chừng, ông nhận định: “Nếu mà đuổi, thì phải chạy nhanh. Còn đây, chúng lại chạy từ từ. Ất hẳn có quân chặn phía trước.” Nghĩ vậy, ông liền cho người đi thám sát.



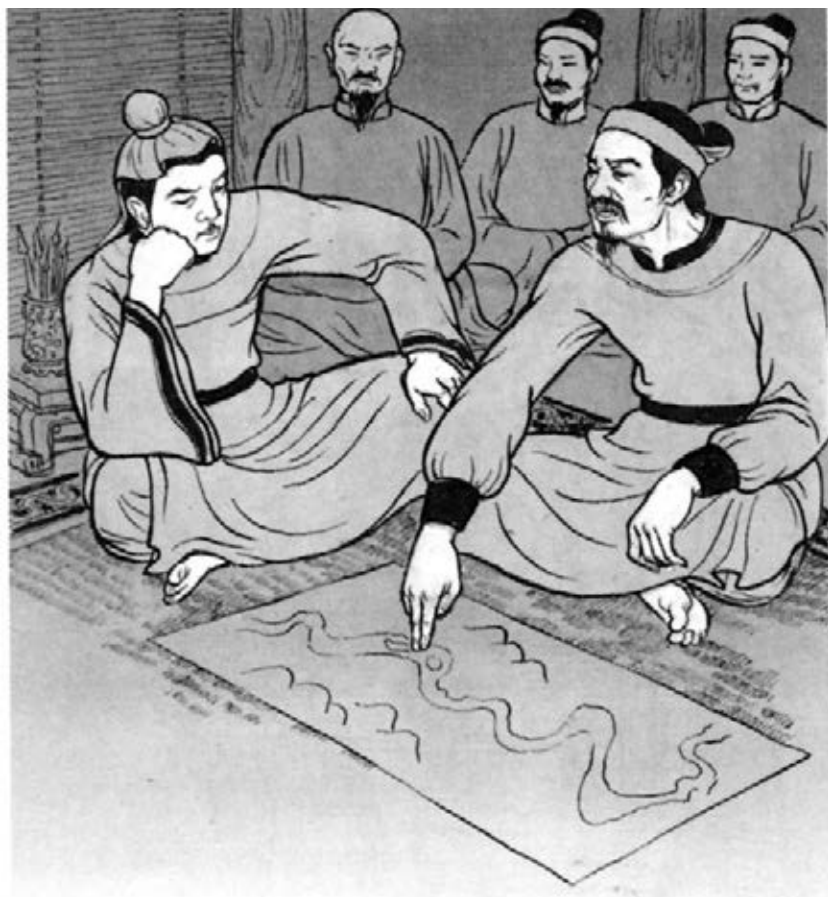
Quả nhiên, cách đó vài dặm, có một toán quân địch đang mai phục. Trần Nhật Duật bèn cho quân nhanh chóng tấp vào bờ. Bấy giờ toán đang đuổi mới tăng tốc độ nhưng đã quá muộn. Quân Đại Việt đã rời thuyền, lên bờ chạy theo đường núi. Nhờ mưu trí của người tướng mà ba quân thoát được vòng nguy hiểm. Toán quân của ông về sau gặp được đại quân của vua Trần ở Thiên Trường.





Lúc này, cánh quân thủy của Toa Đô đóng ở phía nam Đại Việt từ năm trước cũng đã được lệnh kéo ra Nghệ An để phối hợp với đại quân của Thoát Hoan từ phía bắc đánh xuống. Cả hai đạo quân giặc đang cố gặp nhau với hy vọng tạo thành hai gọng kìm bao vây quân Đại Việt ở Thiên Trường. Trần Quang Khải được cử đi cản đường cánh quân của Toa Đô, nhưng không thành công, phải rút lui.



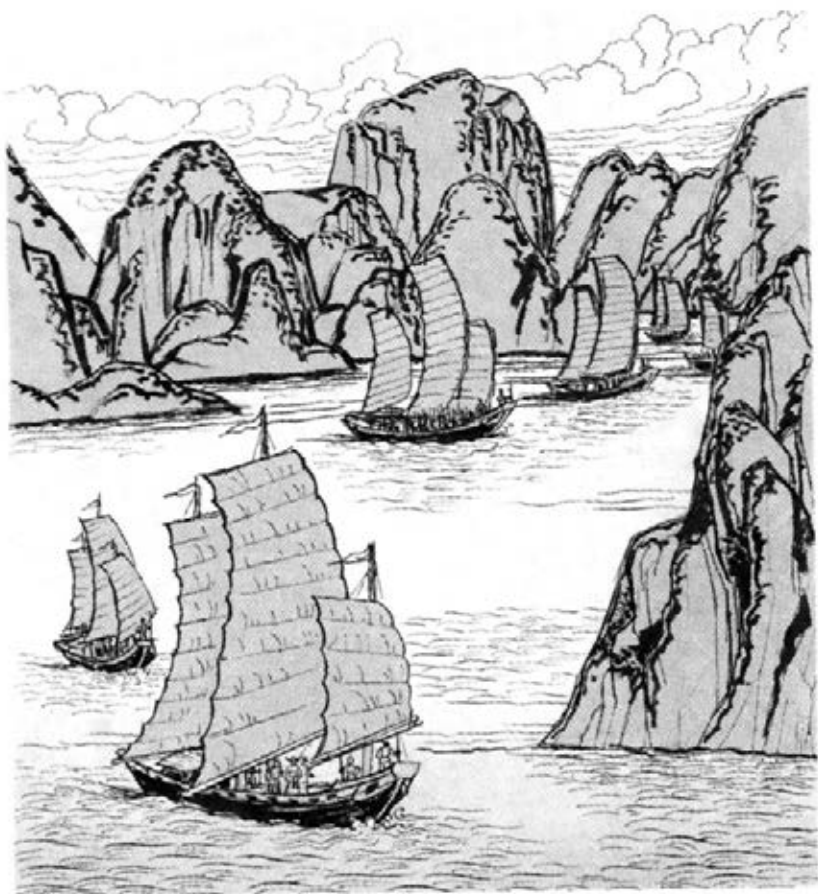


Tình thế ấy buộc Thượng hoàng cùng nhà vua và các tướng phải bàn định việc rút khỏi Thiên Trường, thoát ra khỏi gọng kìm giặc đã giương sẵn. Đây là một việc hết sức khó khăn vì phải làm sao vừa bảo vệ được hai vua và triều đình, vừa đưa được đại quân ra nơi an toàn nhưng lại phải hết sức bí mật để giặc không phát hiện ra nếu không sẽ khó tránh được tổn thất. Bàn bạc mãi, cuối cùng, nhà vua chấp thuận kế hoạch táo bạo và tài tình do Trần Hưng Đạo vạch ra.



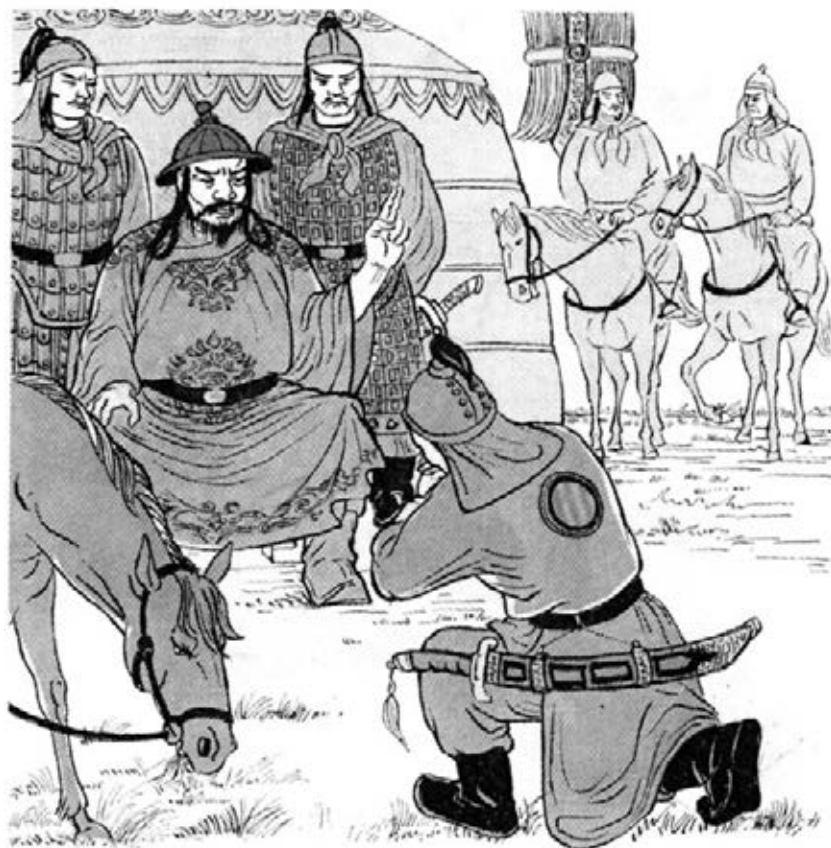
Cuộc rút lui của quân Trần lần này quả thật rất gian nan. Đoàn thuyền đi theo cửa Ba Lạt (Nam Định) ra biển, rồi ngược lên phía Bắc, len lỏi qua những vùng nước đầy đá ngầm đến cửa biển Quảng Yên. Sau đó, một cánh lên bộ, tấn vào vùng rừng núi Đông Triều - Yên Tử, căn cứ vùng đông bắc của Trần Hưng Đạo, để khi cần có thể từ hướng này đánh ngược trở lại, phối hợp với các cánh khác.

Một cánh khác làm nghi binh, tiếp tục đưa thuyền ngự của hai vua với đầy đủ cờ xí, nghi trượng, đi ngược lên Trà Cổ (vùng biển gần giáp giới Trung Quốc) để đánh lạc hướng quân Nguyên. Trong khi ấy, một cánh đưa Thượng hoàng và vua đi thuyền nhỏ men theo vùng biển Đồ Sơn, quay lại cửa Ba Lạt và xuôi gió thẳng về Thanh Hóa.



Cùng thời gian ấy, quân thủy của Toa Đô đã hội được với đại quân của Thoát Hoan ở Trường Yên (Ninh Bình). Thoát Hoan vội vàng sai Toa Đô đi truy lùng khắp nơi nhưng quân Trần đã biến mất tăm hơi, không còn một dấu vết. Như vậy, bằng cách rút lui ra biển, quân Đại Việt đã đảo ngược tình thế khiến quân Nguyên bị bất ngờ và hoàn toàn rơi vào thế bị động.





Sau cuộc truy kích thất bại, Thoát Hoan kéo quân về đóng ở Thăng Long và lập một phòng tuyến dọc theo sông Hồng. Cứ 30 dặm hấn cho lập một trạm quân, mỗi trạm có 300 lính. Để các trạm thông thương liên lạc với nhau dễ dàng, hấn lập thêm các trạm ngựa cách nhau 60 dặm. Cứ thế, các trạm của hấn rải suốt từ Thăng Long đến Thiên Trường và ra tận biển.



Giữa lúc triều đình cùng toàn dân đánh giặc thì có những kẻ đã đầu hàng vì mưu cầu lợi riêng. Trong số đó có Trần Ích Tắc và Trần Kiện. Ích Tắc là em của Thượng hoàng Thánh Tông. Y vốn là người tự phụ, ngầm ngầm muốn đoạt ngôi của anh từ lâu nên đã từng lợi dụng những thương buôn qua lại Vân Đồn, nhờ gửi thư đề nghị quân Nguyên kéo sang giúp y lên làm vua. Nay nhân cơ hội quân Nguyên xâm lấn, thành Thăng Long thất thủ, y ra mặt phản bội, đem cả gia quyến đầu hàng với tham vọng giành được ngôi báu.

Còn Trần Kiện là cháu nội của vua Trần Thái Tông, vì bất tài, không được trọng dụng, nên bất mãn. Hắn cùng với thuộc tướng là Lê Trắc đem một vạn quân dưới trướng ra hàng. Trần Kiện còn dẫn sâu vào tội lỗi, tình nguyện dẫn đường cho quân Nguyên đi đánh quân Trần Quang Khải ở Thanh Hóa khiến Trần Quang Khải phải lui quân.





Cả hai đều được Toa Đô ưu đãi. Ích Tắc ở lại trong trường chờ bình định xong Đại Việt sẽ lên ngôi. Còn Trần Kiện được quân hộ vệ đưa về kinh đô Đại Nguyên. Nhưng chưa ra khỏi đất Việt, chúng đã bị dân binh người Tày ở trại Ma Lục (Chi Lăng, Lạng Sơn) do Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Lĩnh chỉ huy cùng phối hợp với quân triều đình, chặn đánh. Gia nô của Hưng Đạo là Nguyễn Địa Lô bắn chết Trần Kiện. Lê Trắc mang xác chủ bỏ chạy rồi vùi sơ sài dưới một chân đèo. Thế là xong một kiếp người phản bội.

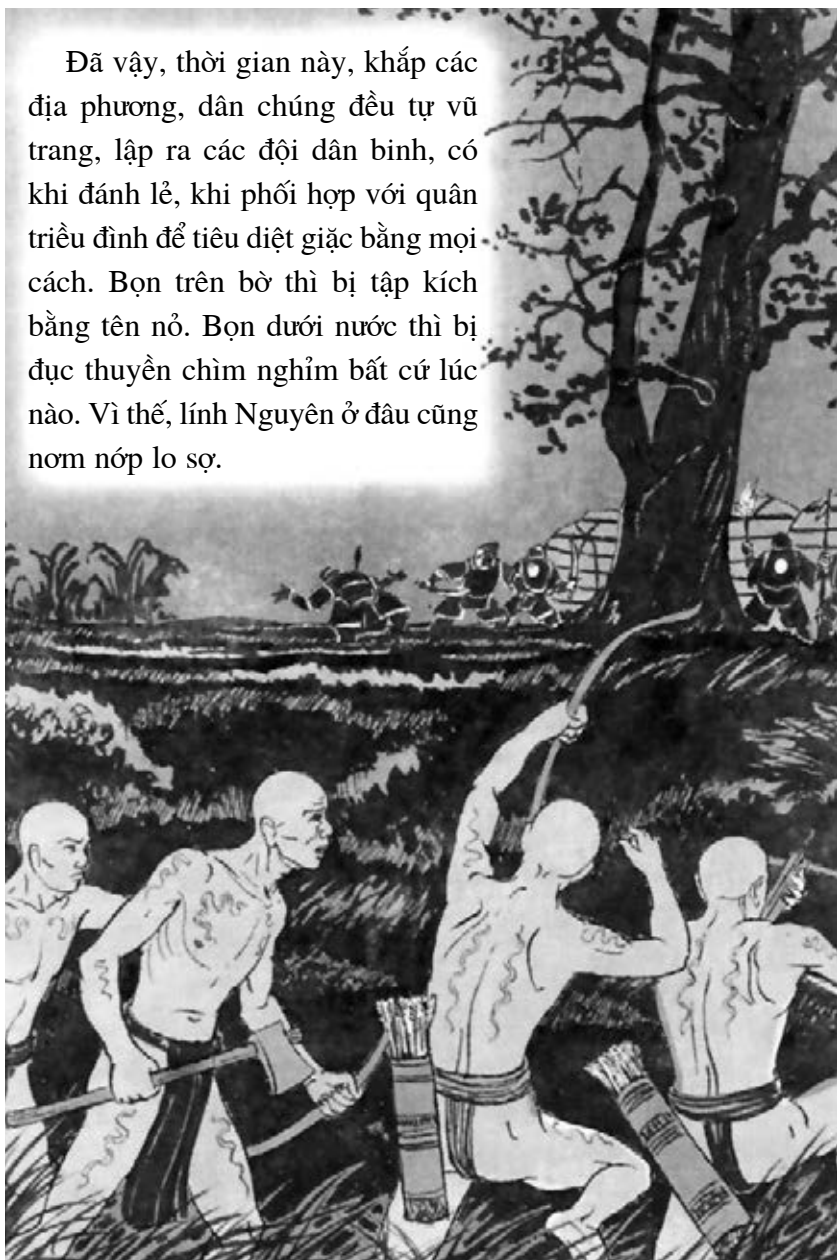




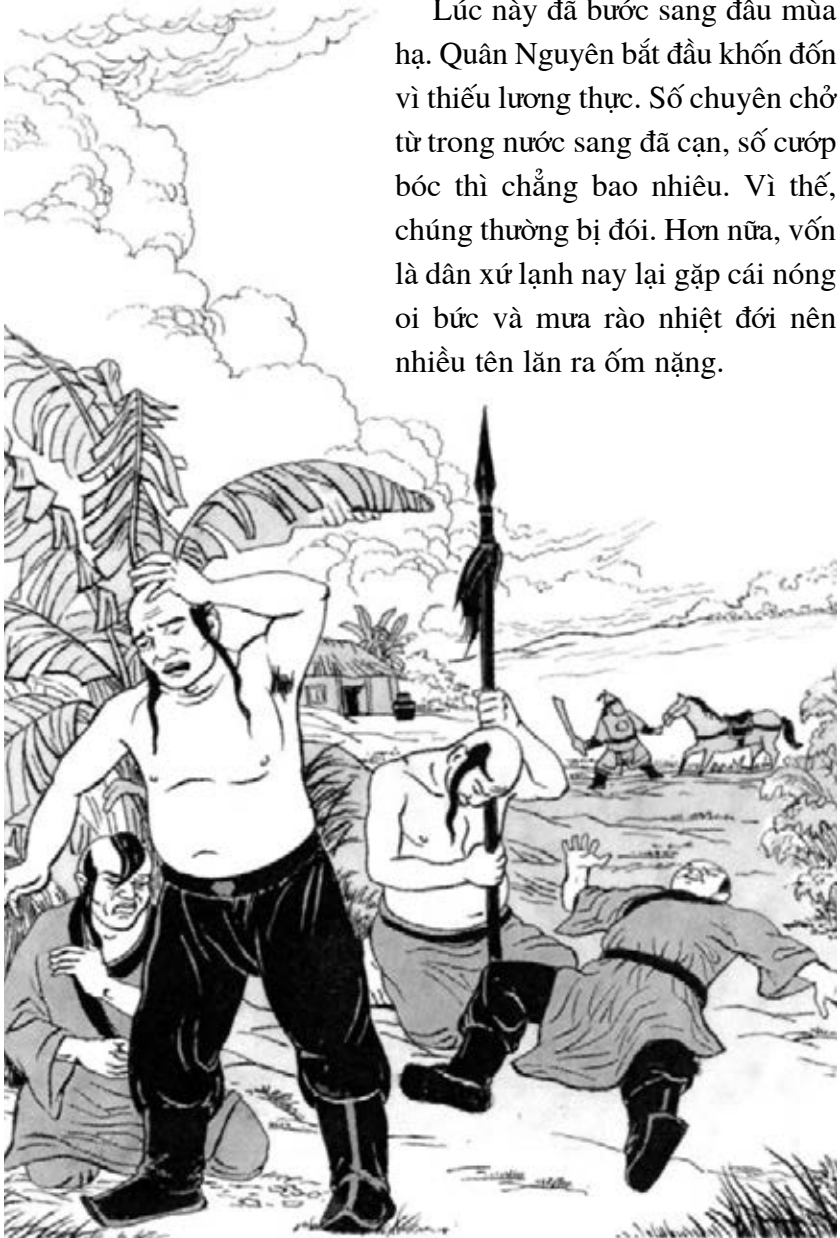
Tại Thăng Long, nghe tin vua Trần đang ở Thanh Hóa, Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi đem 60 chiến thuyền vào Trường Yên hỗ trợ Toa Đô tìm diệt cho được. Nhưng sau cuộc truy kích vua tôi nhà Trần trên biển bị thất bại, quân của Toa Đô đã vô cùng mỏi mệt.



Đã vậy, thời gian này, khắp các địa phương, dân chúng đều tự vũ trang, lập ra các đội dân binh, có khi đánh lẻ, khi phối hợp với quân triều đình để tiêu diệt giặc bằng mọi cách. Bọn trên bờ thì bị tập kích bằng tên nỏ. Bọn dưới nước thì bị đục thuyền chìm ngấm bất cứ lúc nào. Vì thế, lính Nguyên ở đâu cũng nơm nớp lo sợ.



Lúc này đã bước sang đầu mùa hạ. Quân Nguyên bắt đầu khốn đốn vì thiếu lương thực. Số thuyền chở từ trong nước sang đã cạn, số cướp bóc thì chẳng bao nhiêu. Vì thế, chúng thường bị đói. Hơn nữa, vốn là dân xứ lạnh nay lại gặp cái nóng oi bức và mưa rào nhiệt đới nên nhiều tên lăn ra ốm nặng.



Trong khi ấy, quân Đại Việt bảo toàn được lực lượng. Thượng hoàng, vua và Trần Hưng Đạo khi bàn cách phản công đều nhận thấy như thế. Nhà vua nói:

- Quân giặc nhiều năm đi xa, quân nhu chở đi vụn dậm, chắc chắn là mệt mỏi, mất khí thế. Nay ta lấy nhàn mà đánh chúng tất có thể thắng được!



Trước hết, để cắt quân Nguyên ra làm hai, Trần Hưng Đạo và Trần Quang Khải chỉ huy chiến thuyền, theo đường biển, vòng qua quân Toa Đô khi ấy đang đóng ở phía bắc Thanh Hóa, tiến vào sông Hồng, đến sông Luộc, tấn công vào A Lỗ - một chốt tiền tiêu trong phòng tuyến của giặc. Hai bên giao tranh. Quân Nguyên không chống cự được, phải rút chạy. Các cánh quân Đại Việt thừa thế tiến lên đánh chìm một số đồn lũy, trạm do Thoát Hoan lập trên sông Hồng.





Cùng lúc ấy, Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái hoàn thành nhiệm vụ đánh thắng quân Nguyên ở Tây Kết. Người dũng tướng thiếu niên tỏ ra vô cùng can đảm. Khi xuất trận, chàng luôn đi trước, khí thế dũng mãnh, khiến quân địch khiếp sợ mà tan rã. Sau đó, Trần Quốc Toản lại được cử làm Phó tướng cùng Trần Nhật Duật đánh vào cửa Hàm Tử (hai nơi này đều ở Khoái Châu, Hưng Yên).





Đây là nơi quân Nguyên bố trí lực lượng phòng thủ nên chúng tập trung binh lực khá mạnh. Ngoài lực lượng quân bộ chốt giữ, còn có cả quân thủy bảo vệ. Trần Nhật Duật được giao trọng trách nhỏ bặt cứ điểm này. Điều đặc biệt là trong đạo quân của ông có cả lính người Tống (Trung Quốc). Do thất bại trong cuộc chiến chống quân Nguyên ở bên nước mình, họ phải chạy dạt sang Đại Việt để nương náu, tránh sự truy bức của giặc. Trần Nhật Duật vốn thạo tiếng Trung Quốc, lại là người nhã nhặn, ôn hòa. Vì thế họ tin cậy và xin gia nhập vào đạo quân của ông để cùng đánh kẻ thù chung.



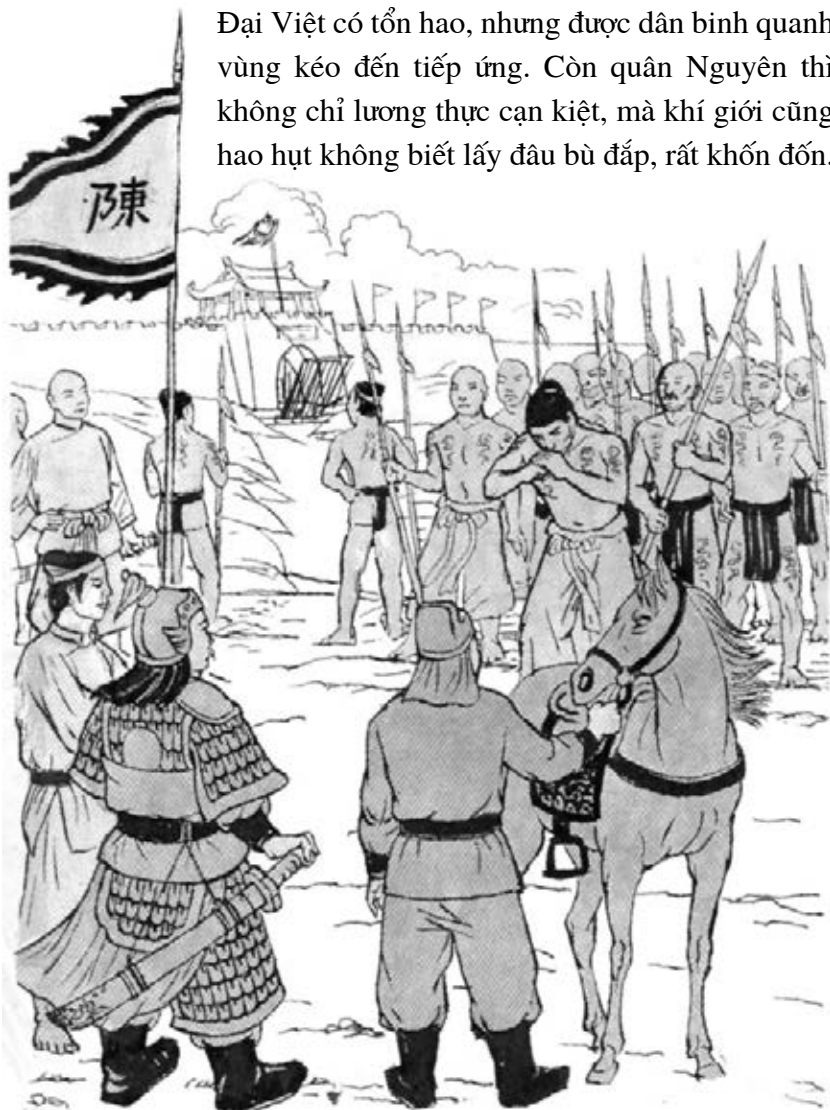
Trong số người Tống nổi bật là Triệu Trung rất giỏi về cung





Thắng trận Hàm Tử, Trần Quốc Toản là người được hân hạnh mang tin báo tiếp về cho Trần Hưng Đạo. Tại đây chàng lại được cử làm cận tướng cho Trần Quang Khải để tham dự vào trận đánh Chương Dương. Tin bại trận ở Tây Kết, Hàm Tử làm số quân Nguyên ở đây đang lo sợ thì lại bị hai cánh quân của Trần Quang Khải và Trần Quốc Toản bí mật bất ngờ đánh úp nên chúng chỉ còn cách bỏ thuyền chạy bán sống bán chết vào Thăng Long.

Thừa thắng, Quang Khải cho quân đến chân thành hạ trại và bao vây chặt Thăng Long. Thoát Hoan thân hành đốc đại binh ra chống cự. Quân Đại Việt có tổn hao, nhưng được dân binh quanh vùng kéo đến tiếp ứng. Còn quân Nguyên thì không chỉ lương thực cạn kiệt, mà khí giới cũng hao hụt không biết lấy đâu bù đắp, rất khốn đốn.







Cuối cùng, Thoát Hoan phải mở đường máu rút chạy về Gia Lâm (Hà Nội). Quân Trần Quang Khải nhập thành. Được tin thắng trận, Thượng hoàng và vua kéo quân từ Thanh Hóa ra, đánh tan quân Nguyên ở Trường Yên (Ninh Bình). Các phòng tuyến dọc sông Hồng của giặc đều bị tấn công. Quân Nguyên lớp chết, lớp ra hàng, lớp tìm đường chạy trốn, chẳng còn tâm trí đâu mà chiến đấu.



Quân Nguyên chạy đến sông Cầu thì gặp quân của Trần Quốc Toản đã đón sẵn. Dưới lá cờ sáu chữ vàng, người dũng tướng thiếu niên tung hoành ngang dọc, không quân hiểm nguy. Nhưng không may, vì quá say mê truy kích giặc, chàng đã ngã xuống bởi một mũi tên bắn lén của chúng. Tin Trần Quốc Toản hy sinh khiến vua và triều đình vô cùng thương tiếc. Để ghi nhớ chiến công của vị tướng trẻ tuổi, nhà vua thân hành viết bài văn tế:

*Cờ đề sáu chữ giải hờn này
Lăn lóc muôn quân vẫn đánh say
Công thắng quân Nguyên đà chắc trước
Từ khi cam nát ở trong tay.*

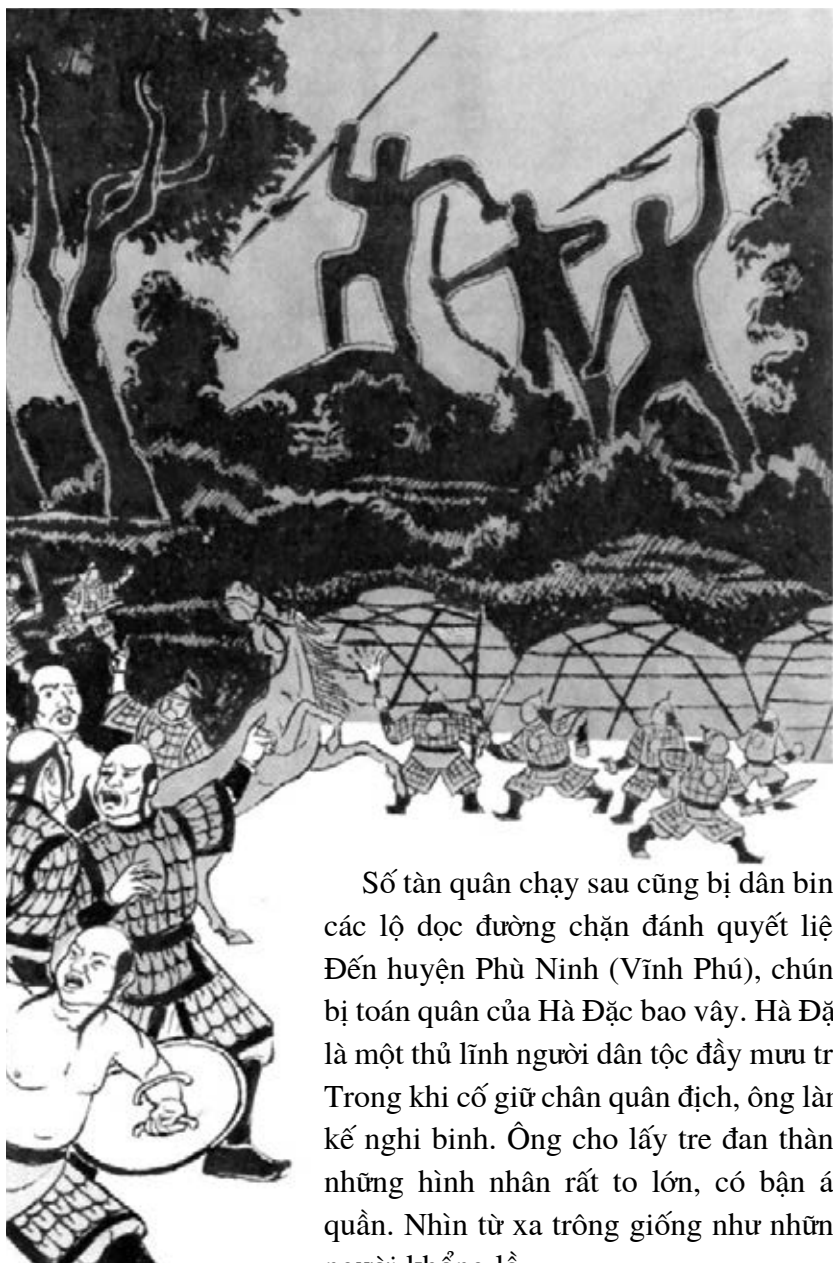
Biết rõ quân giặc thua tất phải theo đường cũ rút về nước, Trần Hưng Đạo đã cho Phạm Ngũ Lão đem 3 vạn quân phục sẵn trong đám lau sậy rậm rạp ven sông gần Vạn Kiếp, còn ông đích thân đuổi theo Thoát Hoan. Quả nhiên, thấy quân Trần đuổi gấp phía sau, Thoát Hoan cùng phó tướng Lý Hằng cố chạy về Vạn Kiếp để dựa vào số quân đóng chốt ở đây. Không ngờ chưa kịp đến nơi đã bị quân Phạm Ngũ Lão đổ ra đánh, chúng bị ép xuống sông, chết đuối vô số.



Lúc này, quân Nguyên chỉ còn biết cầm cổ mà chạy càng nhanh càng tốt. Nhưng một mũi tên độc từ đâu bay đến cắm phập vào chân Lý Hằng khiến hắn ngã lăn xuống ngựa. Hắn được bọn lính công chạy một đoạn thì chết. Thoát Hoan vô cùng hoảng sợ, không còn đếm xỉa gì đến thể diện, vội chui tọt vào ống đồng bắt quân lính khiêng chạy. Nhờ thế hắn mới thoát được về nước. Trong số tàn quân của Thoát Hoan có cả Trần Ích Tắc. Ông vua hệt đàn ông về Nguyên nhận một số ruộng đất do chúa Nguyên ban, chờ cơ hội khác.

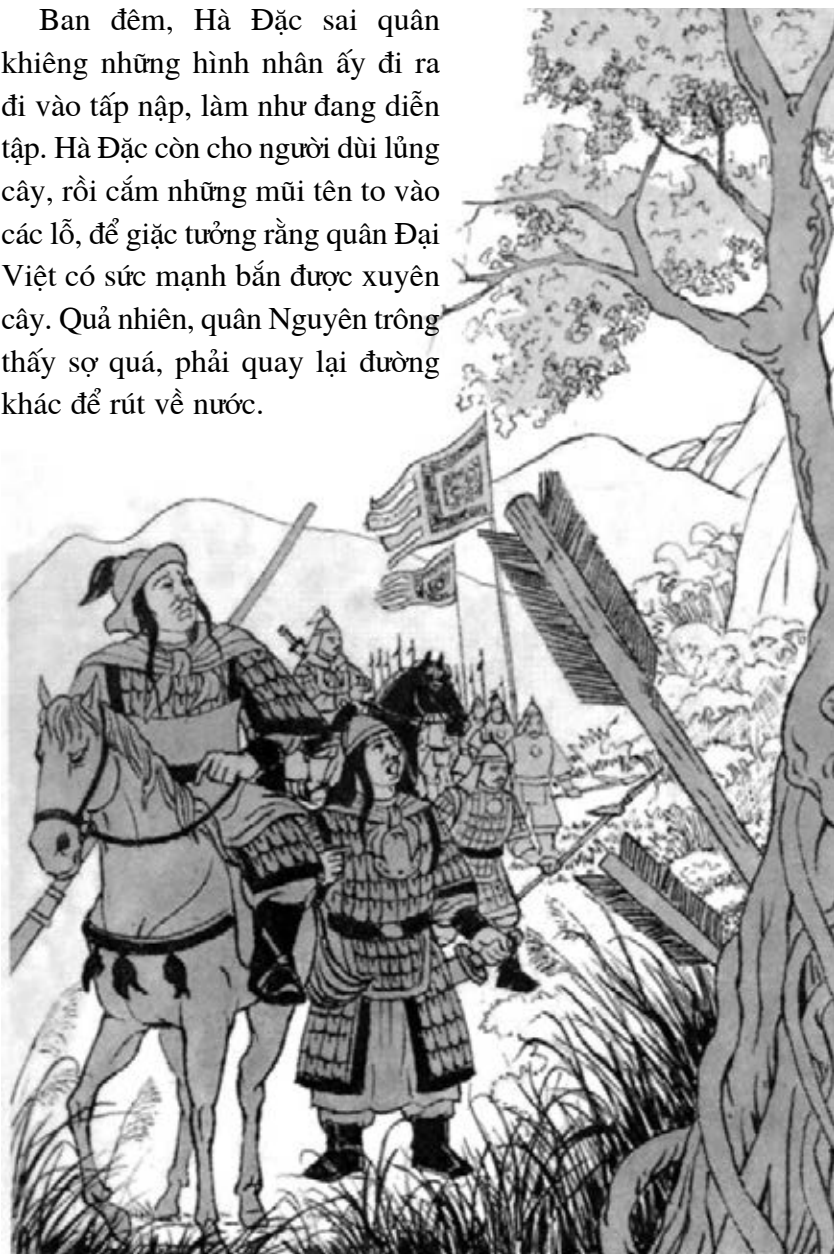






Số tàn quân chạy sau cũng bị dân binh các lộ dọc đường chặn đánh quyết liệt. Đến huyện Phù Ninh (Vĩnh Phú), chúng bị toán quân của Hà Đặc bao vây. Hà Đặc là một thủ lĩnh người dân tộc đầy mưu trí. Trong khi cố giữ chân quân địch, ông làm kế nghi binh. Ông cho lấy tre đan thành những hình nhân rất to lớn, có bận áo quần. Nhìn từ xa trông giống như những người khổng lồ.

Ban đêm, Hà Đặc sai quân khiêng những hình nhân ấy đi ra đi vào tấp nập, làm như đang diễn tập. Hà Đặc còn cho người dùi lủng cây, rồi cắm những mũi tên to vào các lỗ, để giặc tưởng rằng quân Đại Việt có sức mạnh bắn được xuyên cây. Quả nhiên, quân Nguyên trông thấy sợ quá, phải quay lại đường khác để rút về nước.



Trong khi đó, không hề biết Thoát Hoan cùng quân bộ đã cao chạy xa bay, Toa Đô và Ô Mã Nhi lại đem chiến thuyền từ Thanh Hóa ra để mong hợp binh với đại quân. Thượng hoàng và nhà vua đã giăng sẵn một mả lưới đợi chúng. Vào cuối tháng 5 năm Ất Dậu (1285), quân thủy Nguyên vừa tiến vào Hàm Tử thì bị vây chặt. Chúng dồn sức đánh suốt ba ngày vẫn không vượt qua được cửa quan này.

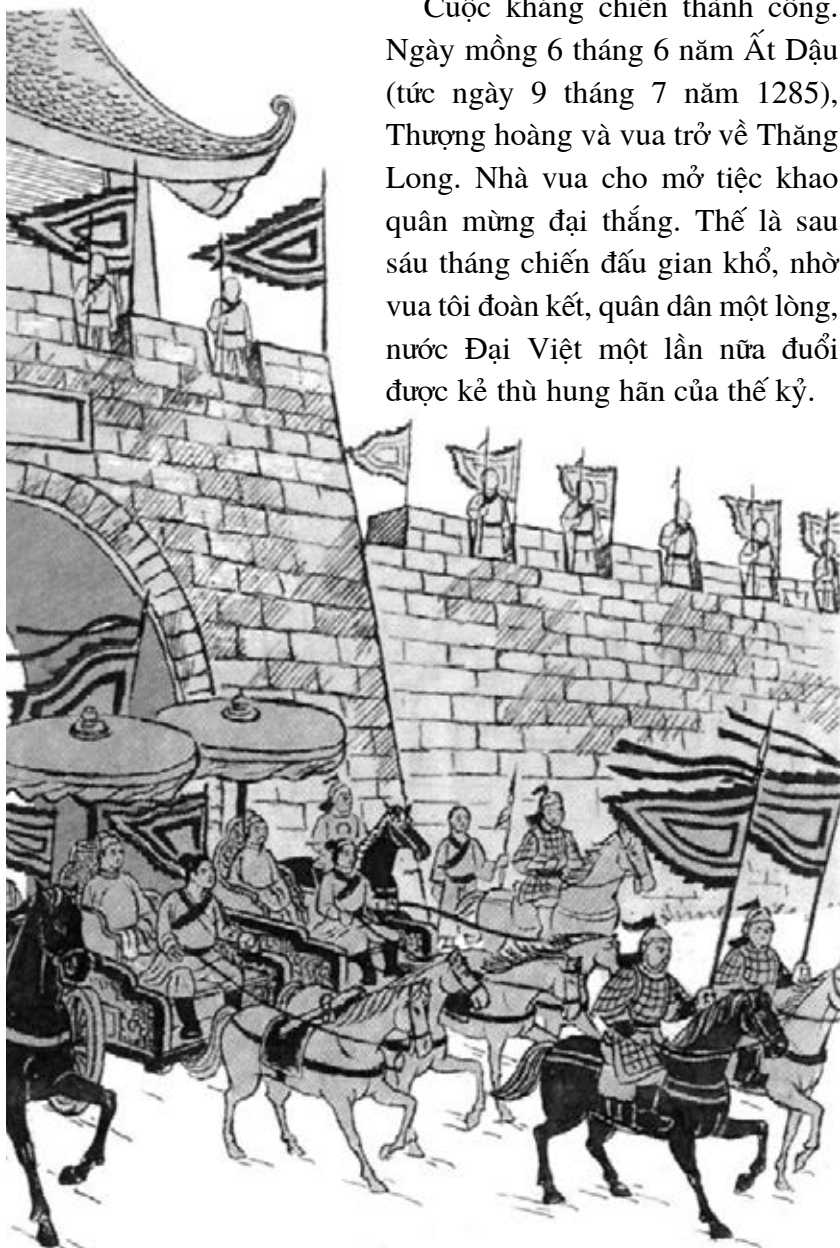




Đã vậy, quân Đại Việt từ nhiều hướng kéo đến tiếp ứng và phản công quyết liệt. Một tướng Nguyên ra hàng còn Toa Đô thì bị chém chết tại trận. Nhân lúc quân Trần mải đánh, hai tên tướng sùng sỏ của giặc Nguyên là Ô Mã Nhi và Lưu Khuê nấp trên một chiếc thuyền nhẹ, đang đêm cố gắng thoát khỏi vòng vây, ra được một nhánh sông nhỏ. Vua Trần đuổi theo, đánh tan quân chặn hậu nhưng không bắt kịp. Sau đó, chúng vượt biển trốn về nước.



Cuộc kháng chiến thành công.
Ngày mồng 6 tháng 6 năm Ất Dậu
(tức ngày 9 tháng 7 năm 1285),
Thượng hoàng và vua trở về Thăng
Long. Nhà vua cho mở tiệc khao
quân mừng đại thắng. Thế là sau
sáu tháng chiến đấu gian khổ, nhờ
vua tôi đoàn kết, quân dân một lòng,
nước Đại Việt một lần nữa đuổi
được kẻ thù hung hãn của thế kỷ.





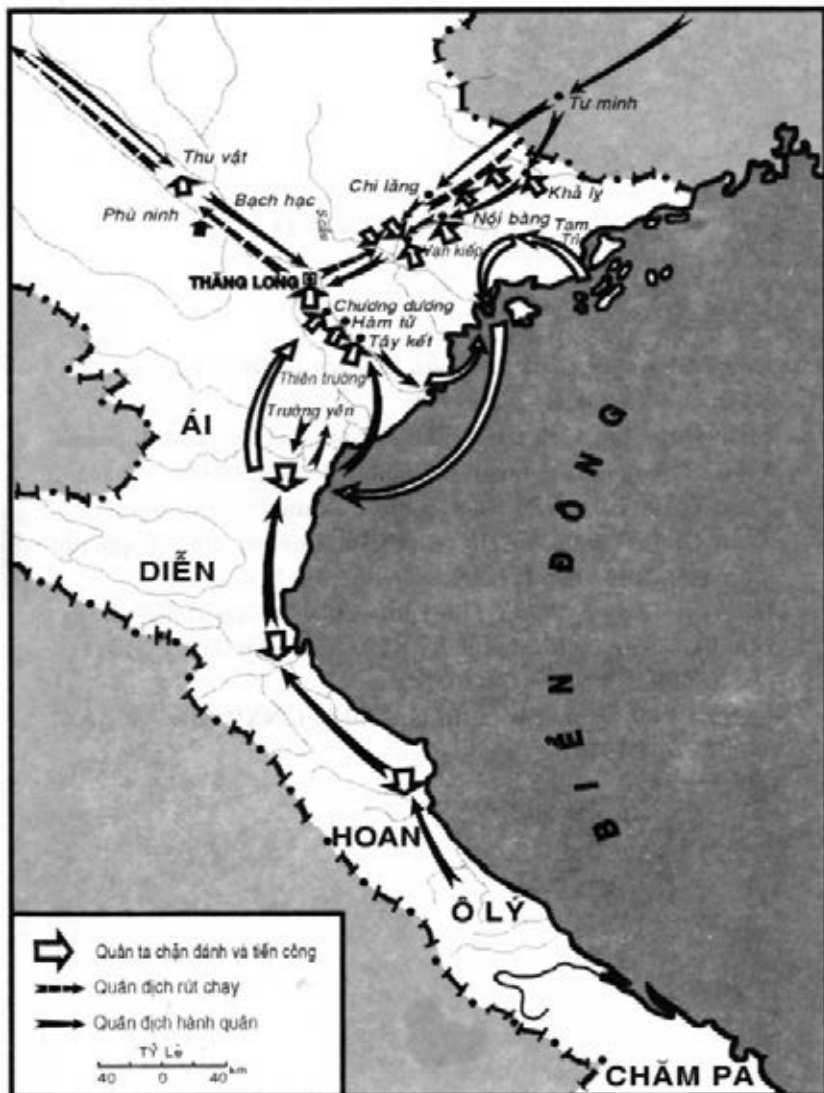
Ảnh trên: Tượng đệ nhất tổ
phái Trúc Lâm Trần Nhân
Tông nhập niết bàn thờ trong
chùa Phổ Minh.

Ảnh: Sách những ngôi chùa
nổi tiếng Việt Nam.

Ảnh dưới: Vách đá khắc thơ
Phạm Sư Mạnh ca ngợi trận
Bạch Đằng 16-10-1368. Ảnh:
Đức Hòa

KHÁNG CHIẾN LẦN THỨ HAI, CHỐNG QUÂN NGUYÊN - 1285

(THEO LỊCH SỬ VIỆT NAM, NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI, HÀ NỘI - 1971)

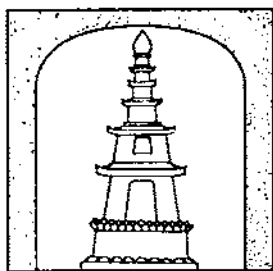


TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, NXB khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- *Lịch sử Việt Nam* tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.

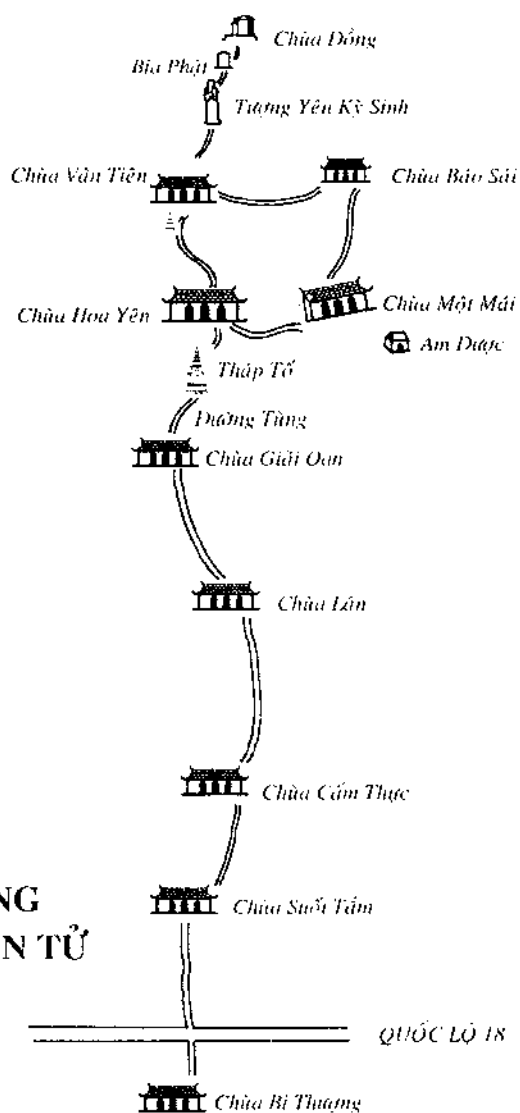
PHỤ LỤC

**YÊN TỬ VÀ
THIÊN PHÁI TRÚC LÂM**



TỔNG TRUNG TÍN

HỆ THỐNG DI TÍCH YÊN TỬ





Cung Vọng Tiên

Ảnh: Sách những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam.

Tháng 8 năm Kỷ Hợi (1299), sau ba lần lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thắng lợi, vua Trần Nhân Tông vào núi Yên Tử đi tu, sáng lập ra thiền phái riêng của thời đại và của dân tộc: Thiền phái Trúc Lâm.

Thiền phái Trúc Lâm phát triển sâu rộng ở Đại Việt trong thời Trần và có cơ sở chùa chiền ở khắp nơi, nhưng trung tâm lớn nhất là khu di tích Yên Tử ở xã Thượng Yên Công, huyện Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Nơi đây, trải hơn 700 năm, các công trình kiến trúc nhiều thế kỷ đều đã bị hủy hoại, nhưng những dấu tích còn lại vẫn in đậm các hoạt động của thiền phái Trúc Lâm với vị tổ sáng lập là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông.

Ngay chân núi có Suối Tắm, tương truyền là nơi Nhân Tông dừng lại tắm rửa để rũ sạch bụi trần trước khi bước vào cõi Phật.

Tiếp theo là chùa Cầm Thực. Chùa hiện còn bây giờ là kiến trúc thời Nguyễn nhỏ bé. Tương truyền đây là nơi Trần Nhân Tông dừng chân uống nước suối trừ cơm.

Qua chùa Cẩm Thục đến chùa Lân (Long Động tự). Chùa xưa có tiếng là lớn, nay còn 25 ngọn tháp và hàng thông cổ kính phản ánh phần nào điều đó. Sau chùa Lân, đi qua hơn 20 dòng suối thì tới suối Giải Oan và chùa Giải Oan. Tương truyền, khi Trần Nhân Tông đi tu, các mỹ nữ cung tần từ Thăng Long đi đến Yên Tử khuyên vua về. Khuyên không được, họ đã nhảy xuống suối trầm mình. Vua Trần Nhân Tông thương xót, cho lập chùa bên suối để siêu độ cho linh hồn họ. Vì thế, suối và chùa đều có tên là Giải Oan.

Sau chùa Giải Oan, tiếp tục qua núi Lò Rèn, dốc Voi Quỳ, núi Ngọc. Núi Ngọc còn 8 ngọn tháp. Tương truyền, núi Voi Quỳ là nơi vua Trần Anh Tông dừng voi, leo bộ lên núi thăm vua cha đang tu hành, trước tác ở chùa Hoa Yên. Khu vực chùa Hoa Yên cũng chính là trung tâm lớn nhất của khu di tích Yên Tử.

Chùa Hoa Yên (hay Vân Yên) to lớn thời Trần nay không còn nữa. Vết tích chùa chỉ còn lại hai bậc cấp lớn do người xưa bạt sườn núi, kê bó đá rất chắc chắn để xây chùa. Cấp nền phía trước để xây tam quan,



Bàn thờ các cung nữ ở chùa Giải Oan

Ảnh: Sách chùa Việt Nam

Ảnh 1: Cây đa cổ thụ và bàn thờ thần cây đa ở chùa Giải oan.



Ảnh 2: Đường đi lên suối Giải Oan và chùa Giải Oan, nơi các cung nữ thời Trần trầm mình và vua Trần Nhân Tông đã xây chùa để cầu siêu cho họ.



Ảnh 1, 2, 3 Viện khảo cổ học.

Ảnh 3: Tháp chùa Giải Oan.



xây tháp; cấp nền phía sau dùng để dựng chùa thờ Phật. Quanh chùa Hoa Yên, ở phía sau có vết tích chùa Phổ Đà, chùa Một Mái. Nơi đây còn có am Thiền Định, tương truyền là chỗ Trần Nhân Tông tham thiền, nhập định; lại có suối Ngự Dội là nơi Trần Nhân Tông tắm rửa hàng ngày.

* * *

Ở Yên Tử còn có khu vườn tháp gồm 97 ngọn lớn nhỏ khác nhau chứng tỏ quy mô to lớn nhất và lâu đời nhất của di tích này. Nổi bật trong vườn tháp là tháp tổ Huệ Quang. Đây là ngôi tháp do đích thân vua Trần Anh Tông cho xây để chứa xá lỵ vua cha vào khoảng năm 1310. Tháp đã bị sụp đổ từ lâu, vết tích kiến trúc thời Trần chỉ còn nguyên vẹn ở nền tháp.

Nền tháp xây bằng đá, có mặt hình lục giác, hai cạnh lớn dài 3.15m và cách nhau 4.5m, các cạnh nhỏ dài 2.5m. Các khối đá được gia công cẩn thận, mạch ghép rất thẳng và có thêm lỗ cá chì ghép mối, những viên đá phía ngoài có chạm nổi đề tài sóng nước. Năm tầng trên đã được đời sau xây dựng lại cũng bằng vật liệu đá nhưng không trang trí gì cả.

Tuy nhiên, ở tầng khám thờ vẫn có hoa sen chạm cúc dây là vật liệu thuộc thời Trần được dùng lại. Trong khám thờ có đặt tượng Trần Nhân Tông bằng đá trắng cao 0.62m. Tượng đang ngồi trong tư thế tọa thiền, hai tay đặt lên hai gối, thân hình cân đối, khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, mũi to, tai dài. Trang trí trên áo và bộ tượng là hoa cúc, hoa dây, rồng uốn khúc hình yên ngựa. Tất cả toát lên dáng vẻ của một vị chân tu quyền quý và đức đạo.

Tượng được coi là một tác phẩm điêu khắc đẹp của thế kỷ 15 và là một trong những pho tượng tổ Trần Nhân Tông đẹp nhất hiện còn trong các chùa của phái Trúc Lâm. Xung quanh tháp Huệ Quang còn có bức tường gạch hình vuông, cả tường và mái lợp ngói mũi hài kếp đều là đặc trưng của vật liệu xây dựng thời Trần.

Đặc biệt, phía sau tháp còn một đoạn đường khá nguyên vẹn được lát 84 viên gạch hoa. Gạch có dáng hình vuông, độ nung khá cao. Mặt



Cây đại trước chùa Hoa Yên tương truyền được trồng từ thời Trần

Ảnh: Viện Khảo cổ học



Mặt trước chùa Hoa Yên, trung tâm của Yên Tử, nơi đệ nhất tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông tu hành.

Ảnh: Viện Khảo cổ học



Ảnh 1: Biển gỗ có bốn chữ “Trúc Lâm tam tổ” ở chùa Hoa Yên, tức ba vị tổ của phái Trúc Lâm: Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang.

Ảnh 2: Bình hoa gốm men trang trí rồng, một di vật trong chùa Hoa Yên.

Ảnh 3: Tượng sư tử đá ở chùa Hoa Yên.

Ảnh 1, 2, 3: Viện Khảo cổ học.



gạch chạm nổi hoa cúc được bố cục theo quy tắc vuông tròn: Bao quanh diềm gạch vuông hàng chấm nổi tròn giữa hai đường gờ nổi, chính giữa là một bông cúc trong vòng tròn, bốn bông hoa cúc khác đối xứng xung quanh trong một vòng tròn to hơn, điền kín bốn góc là các bông hoa cúc nhỏ hơn. Trong các di tích thời Trần ở nước ta, đây là con đường gạch hoa duy nhất còn lại đến ngày nay.

Sau khu di tích chùa Hoa Yên và tháp Huệ Quang nổi tiếng, rẽ qua chùa Một Mái, sẽ có hàng loạt các di tích như Dược Am (am thuốc), Hoa Am, chùa Bảo Sái, chùa Vân Tiêu, khu vực tượng Yên Kỳ Sinh, chợ Trời, cổng Trời. Đường càng đi càng cheo leo, phong cảnh càng lúc càng tĩnh lặng, thanh khiết. Các di tích xưa đều chỉ còn nền móng hoặc một vài ngọn tháp. Tuy nhiên, đáng chú ý ở chùa Bảo Sái còn có ba pho tượng đồng của ba vị tổ Trúc Lâm: Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang. Tượng đá Yên Kỳ Sinh là một tác phẩm độc đáo vừa giữ nguyên vẻ của khối đá tự nhiên, vừa như có sự tham gia của bàn tay nghệ nhân khéo léo.

Cuối cùng, tại đỉnh cao nhất của Yên Tử (1068m) được kết thúc bằng một ngôi chùa nhỏ khung sắt, mái đồng, do đó gọi là chùa Đồng, một lưu ảnh của ngôi chùa Đồng được xây dựng từ thời Lê - Trịnh đã bị mất. Chùa Đồng có tên chữ là chùa Thiên Trúc, được coi như biểu trưng cho sự thành đạo của các đệ tử nhà Phật sau một thời gian khổ luyện tu hành, cũng như khi nhập thế cứu nạn. Nhập thế là một đặc điểm tư tưởng nổi bật của thiền phái Trúc Lâm. Phaái Trúc Lâm chủ trương kết hợp tinh hoa Thiền thế giới với tư tưởng thiền Việt Nam, chủ trương sống với đời, hòa vào đời, sống theo quy luật của tự nhiên, gần dân, thân dân, thấm đượm tình người.

Chính vì vậy, dưới thời Trần, thiền phái Trúc Lâm phát triển mạnh và nhanh chóng ảnh hưởng sâu rộng trong hầu khắp lãnh thổ Đại Việt. Thiền phái Trúc Lâm với trung tâm di tích Yên Tử chính là một biểu hiện rõ nét ý thức dân tộc mạnh mẽ của quân và dân Đại Việt thời nhà Trần.



Các tượng Phật thờ trong chùa Hoa Yên. Ảnh: Viện Khảo cổ học



Sư tử hí cầu, chạm khắc đặc trưng thời Lê Trung Hưng ở chùa Hoa Yên.

Ảnh: Viện Khảo cổ học



Ảnh trên: Các tượng chân dung trên bia hậu Phật ở chùa Hoa Yên chứng tỏ chùa Hoa Yên đã tồn tại rất lâu.

Ảnh dưới: Một viên gạch lát trên đường lát gạch hoa, loại gạch trang trí đặc trưng của thời Trần.

Ảnh: Viện Khảo cổ học



Bàn thờ trong tháp Huệ Quang.

Ảnh: Viện Khảo cổ học



*Tháp Huệ Quang bằng
đá xây dựng dưới thời
Trần được trùng tu dưới
thời Lê*

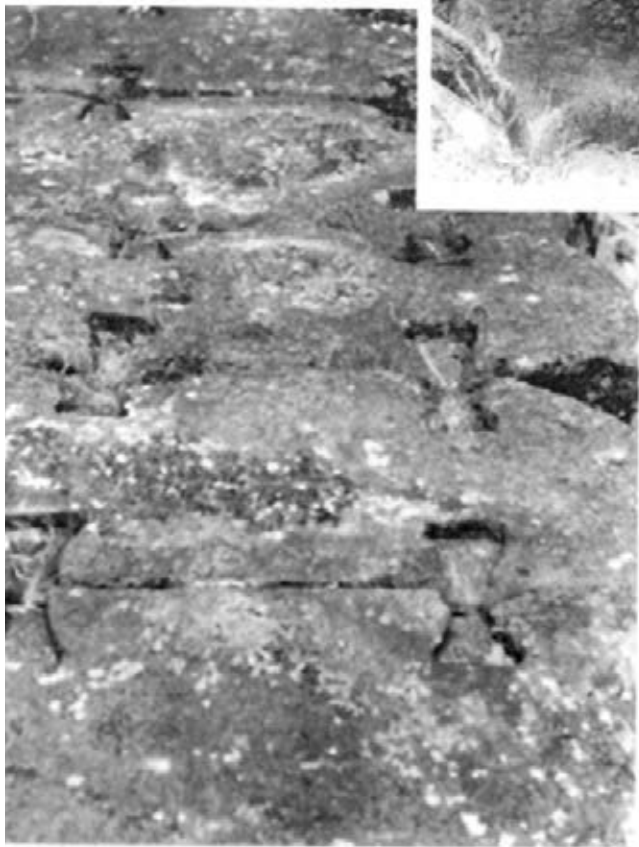
Ảnh: Viện Khảo cổ học

Ảnh trên: *Bia Phật*

Ảnh: Sách chùa Việt Nam

Ảnh dưới: *Nền tháp Huệ Quang*
được ghép bằng đá có các lỗ cá
chì là kỹ thuật ghép đặc trưng
thời Trần.

Ảnh: Viện Khảo cổ học

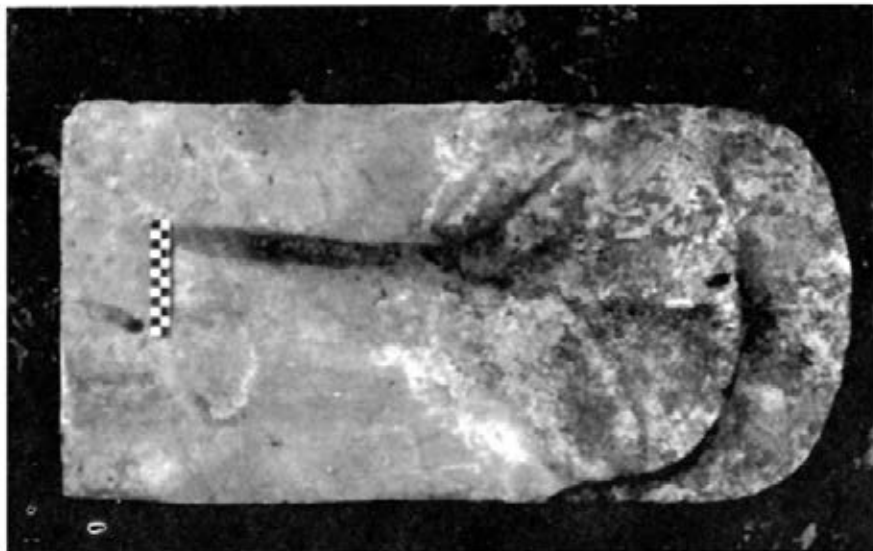




Trang trí hoa văn sóng nước ở chân tháp Huệ Quang, loại hoa văn đặc trưng thời Trần. Ảnh: Viện Khảo cổ học



Cánh sen và hoa cúc trong lòng cánh sen ở tháp Huệ Quang, hoa văn trang trí đặc trưng thời Trần. Ảnh: Viện Khảo cổ học



Ảnh trên: Ngõ mũi sen
kếp có phần mũi cong
dùng để tường vây tháp
Huệ Quang, hai vật liệu
kiến trúc đặc trưng thời
Trần.

Ảnh dưới: Tượng chân
dung Trần Nhân Tông, đệ
nhất tổ Trúc Lâm, đặt thờ
trong tháp Huệ Quang.



Ảnh trên: Các tháp ở bên phải tháp Huệ Quang.

Ảnh dưới: Một tượng bằng đồng trong hệ thống tượng Trúc Lâm tam tổ.

Ảnh 1, 2, 3, 4: Viện Khảo cổ học





Ảnh trên: Các tháp thời Lê:
Hoa Quang, Tôn Đức và Chân
Thường.

Ảnh dưới: Tượng sư tổ trong tháp
Tôn Đức.



Ảnh trên: Khối trang trí hoa sen trên tháp bằng đất nung thời Lê Trung hưng.

Ảnh 1, 2, 3, 4: Viện Khảo cổ học



Ảnh trên: *Tháp Độ Nhân chùa
Phổ Đà.*

Ảnh: Tố Như

Ảnh dưới: *Chùa Bảo Sái ở sau
chùa Hoa Yên.*

Ảnh: Viện Khảo cổ học



Ảnh trên: *Tượng An Kỳ*
Sinh tạo nên từ một hòn đá
tự nhiên.

Ảnh: *Tố Như*

Ảnh dưới: *Chùa Đồng.*

Ảnh: *Sách chùa Việt Nam*



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 23
CHIẾN THẮNG GIẶC NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUƠNG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: VŨ PHƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Bài thơ cảm khái của Thái sư Trần Quang Khải khi đón hai vua Trần trở về kinh thành

從駕還京
奪槩章陽渡
擒胡鹹子關
太平宜努力
萬古此江山

Tụng Giá Hoàn Kinh
Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan
Thái bình nghĩ nỗ lực
Vạn cổ thử giang san

Tụng Giá Hoàn Kinh
Chương Dương cướp giáo giáo,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

(bản dịch của Trần Trọng Kim)



Diễn biến cuộc kháng chiến chống Nguyễn Mông lần thứ hai của nhà Trần